

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN  
TÀI LIỆU TRAO ĐỔI DỮ LIỆU**

**Hà Nội, tháng 9 năm 2017**

# MỤC LỤC

<b>I. GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>	<b>5</b>
1. TỔNG QUAN VỀ BỘ TIN ĐIỆN NGHIỆP VỤ SỬ DỤNG CHO HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN CỦA NHNN .....	5
2. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG .....	6
2.1. Quy định về bảng cấu trúc thẻ XML.....	6
2.2. Quy định về kiểu dữ liệu.....	7
<b>II. QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ TIN ĐIỆN NGHIỆP VỤ (BUSINESS MESSAGE) .....</b>	<b>8</b>
1. QUY ĐỊNH VỀ BUSINESS APPLICATION HEADER (BAH) .....	8
1.1. Phạm vi sử dụng .....	8
1.2. Quy định chi tiết .....	8
2. QUY ĐỊNH VỀ ACCOUNTREPORTINGREQUEST .....	10
2.1. Phạm vi sử dụng .....	10
2.2. Quy định chi tiết .....	10
3. QUY ĐỊNH VỀ BANKTOCUSTOMERACCOUNTREPORT .....	12
3.1. Phạm vi sử dụng .....	12
3.2. Quy định chi tiết .....	13
4. QUY ĐỊNH VỀ BANKTOCUSTOMERSTATEMENT.....	16
4.1. Phạm vi sử dụng .....	16
4.2. Quy định chi tiết .....	17
5. QUY ĐỊNH VỀ NOTIFICATIONTORECEIVESTATUSREPORT .....	21
5.1. Phạm vi sử dụng .....	21
5.2. Quy định chi tiết .....	21
6. QUY ĐỊNH VỀ KÝ SỔ VÀ XÁC THỰC TIN ĐIỆN .....	22
6.1. Hướng dẫn tạo Self Signed Certificate sử dụng Java Keytool.....	22
6.2. Quy trình ký sổ.....	24
6.2. Quy trình xác thực .....	25
7. QUY ĐỊNH VỀ MÃ HÓA TIN ĐIỆN.....	27
7.1. Quy trình mã hóa tin điện.....	28
7.2. Quy trình giải mã tin điện .....	28
7.3. Ví dụ về Quy trình mã hóa tin điện/ Quy trình giải mã tin điện (sử dụng ngôn ngữ lập trình Java) .....	29
8. BẢNG DỮ LIỆU THAM CHIẾU .....	32
8.1. Bảng danh mục tài khoản.....	32
8.2. Bảng danh mục lỗi.....	32
9. QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI GIỮA NHNN VÀ TCTD .....	34
9.1. Quy định về xây dựng Web Service .....	34
9.2. Quy định về đường truyền mạng .....	34

<b>III. MỘT SỐ VÍ DỤ ÁP DỤNG .....</b>	<b>35</b>
1. THU THẬP THÔNG TIN TÀI KHOẢN ĐẢM BẢO THANH TOÁN CỦA CÁC TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ TGTT MỞ TẠI TCTD.....	35
1.1. <i>Mô tả ví dụ</i> .....	35
1.2. <i>Thông tin chi tiết từng loại tin điện</i> .....	37
2. THU THẬP THÔNG TIN SAO KÊ TÀI KHOẢN CỦA KHÁCH HÀNG (CÁ NHÂN HOẶC TỔ CHỨC) TẠI TCTD .....	67
2.1. <i>Mô tả ví dụ</i> .....	67
2.2. <i>Nội dung các trường dữ liệu</i> .....	70

## Danh mục thuật ngữ, từ viết tắt

Thuật ngữ, từ viết tắt	Diễn giải
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
TCTD	Tổ chức Tín dụng
TGTT	Trung gian thanh toán

## I. Giới thiệu chung

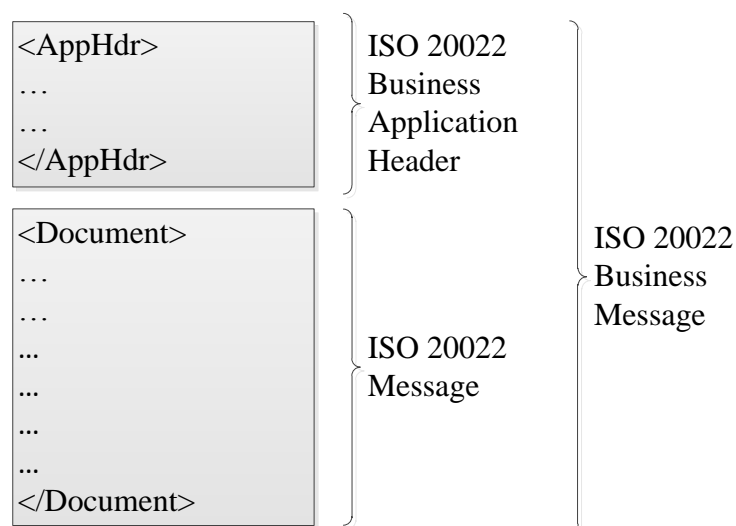
Tài liệu cung cấp mô tả về định dạng tin điện trao đổi dữ liệu giữa NHNN và TCTD, phục vụ nhu cầu thu thập thông tin trực tuyến của NHNN về: i) tài khoản đảm bảo thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT mở tại TCTD; ii) sao kê tài khoản của khách hàng (cá nhân hoặc tổ chức) tại TCTD.

### 1. Tổng quan về bộ tin điện nghiệp vụ sử dụng cho Hệ thống thu thập thông tin trực tuyến của NHNN

Tin điện nghiệp vụ (Business Message) được xây dựng trên cơ sở chuẩn trao đổi dữ liệu ISO20022. Cấu trúc cơ bản của mỗi tin điện nghiệp vụ gồm 2 thành phần:

i) Business Application Header (BAH): chứa các thông tin chung và cơ bản của tin điện.

ii) Message: chứa các thông tin về nghiệp vụ.



Hệ thống thu thập thông tin trực tuyến sử dụng 04 loại tin điện nghiệp vụ:

i) Tin điện nghiệp vụ truy vấn (Request Message): kết hợp giữa BAH (*head.001.001.01.xsd*) và *AccountReportingRequest* (*camt.060.001.03.xsd* - *AccountReportingRequestV03*, thuộc nhóm tin điện về quản lý tiền tệ *camt* - *Cash Management*); Tin điện truy vấn của NHNN có schema là *req\_msg.xsd*.

ii) Tin điện nghiệp vụ thông tin tài khoản đảm bảo thanh toán (Collateral Account Information Message): kết hợp giữa BAH (*head.001.001.01.xsd*) và *BankToCustomerAccountReport* (*camt.052.001.06.xsd* - *BankToCustomerAccountReportV06*, thuộc nhóm tin điện về quản lý tiền tệ *camt* - *Cash Management*); Tin điện tài khoản đảm bảo thanh toán có schema là *col\_acc\_inf\_msg.xsd*.

iii) Tin điện nghiệp vụ thông tin sao kê tài khoản (Statement Account Information Message): kết hợp giữa BAH (*head.001.001.01.xsd*) và BankToCustomerStatement (*camt.053.001.06- BankToCustomerStatementV06*, thuộc nhóm tin điện về quản lý tiền tệ camt - Cash Management); Tin điện sao kê tài khoản có schema là *sta\_acc\_inf\_msg.xsd*.

iv) Tin điện nghiệp vụ thông báo (Notification Message): kết hợp giữa BAH (*head.001.001.01.xsd*) và NotificationToReceiveStatusReport (*camt.059.001.05- NotificationToReceiveStatusReportV05*, thuộc nhóm tin điện về quản lý tiền tệ camt - Cash Management). Tin điện thông báo có schema là *not\_msg.xsd*.

## 2. Một số quy định chung

### 2.1. Quy định về bảng cấu trúc thẻ XML

Tài liệu sử dụng cấu trúc bảng để mô tả định dạng tin điện nghiệp vụ (Business Message), các trường cụ thể của bảng gồm:

Tên cột	Diễn giải
Cấp độ thẻ XML (Level of XML Tag)	Cấp độ của thẻ XML trong cấu trúc tin điện XML
Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Tên thẻ XML
Yêu cầu bắt buộc (Element Multiplicity)	Yêu cầu bắt buộc thẻ XML phải xuất hiện trong cấu trúc tin điện XML hay không. Cụ thể: - [0..1]: không bắt buộc phải xuất hiện, nếu có thì xuất hiện tối đa một lần. - [0..*]: không bắt buộc phải xuất hiện, có thể xuất hiện nhiều lần. - [1..1]: bắt buộc phải xuất hiện và chỉ xuất hiện một lần; - [1..*]: bắt buộc xuất hiện tối thiểu một lần.
Kiểu dữ liệu/Giá trị (Type / Code)	Kiểu dữ liệu hoặc giá trị của thẻ XML
Mô tả thẻ XML	Mô tả chi tiết về thẻ XML

(Element Name)	
Ghi chú (Note)	Các thông tin bổ sung về thẻ XML

## 2.2. Quy định về kiểu dữ liệu

Kiểu dữ liệu	Diễn giải
<code>text{m,M}</code>	Định dạng dữ liệu dạng chuỗi với độ dài nhỏ nhất là m và độ dài lớn nhất là M ký tự. Ví dụ: <code>text{1,35}</code>
<code>text{L}</code>	Định dạng dữ liệu dạng chuỗi với độ dài nhỏ nhất là 0 và độ dài lớn nhất là L ký tự. Ví dụ: <code>text{10}</code>
<code>m &lt;= decimal &lt;= M</code>	Định dạng số thập phân với giá trị nhỏ nhất là m, giá trị lớn nhất là M. Ví dụ: <code>0.01 &lt;= decimal &lt;= 9999.99</code>
<code>fd = F, td = T</code>	Định dạng số thập phân với F chữ số ở phần số thập phân, T chữ số ở phần số nguyên. Sử dụng dấu “.” là ký tự phân tách giữa phần số nguyên và số thập phân.
<code>[A-Z]{6,6}([A-Z0-9]{3,3}){0,1}</code>	Mô tả chi tiết định dạng dữ liệu. Tùy theo từng trường dữ liệu XML mà có quy định cụ thể. Trong ví dụ này, quy định cụ thể như sau: - 6 ký tự đầu là ký tự chữ Hoa, bắt buộc phải đủ 6 ký tự; - 3 ký tự sau là ký tự chữ Hoa hoặc số (từ 0 đến 9), đồng thời 3 ký tự này có thể có hoặc không.

## II. Quy định chi tiết về tin điện nghiệp vụ (Business Message)

### 1. Quy định về Business Application Header (BAH)

#### 1.1. Phạm vi sử dụng

- Sử dụng để chứa các thông tin cơ bản về đơn vị gửi/nhận tin điện, chỉ số định danh tin điện, thời gian gửi tin điện,... phục vụ cho việc định tuyến/truyền nhận tin điện

#### 1.2. Quy định chi tiết

Cấp độ thẻ XML (Level of XML Tag)	Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Yêu cầu bắt buộc (Element Multiplicity)	Kiểu dữ liệu/Giá trị (Type / Code)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Ghi chú (Note)
0	<AppHdr>			BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
1	<CharSet>	[0..1]		Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	
1	<Fr>	[1..1]		Đơn vị gửi tin điện (From)	
2	<OrgId>	[1..1]			
3	<Nm>	[0..1]	Text{1,140}	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	
3	<Id>	[0..1]			
4	<OrgId>	[1..1]			
5	<Othr>	[0..1]			
6	<Id>	[1..1]	Text{1,35}	Mã đơn vị gửi tin điện	Là mã 8 số theo bảng mã hệ thống ngân hàng: [0-9]{8,8}





1	<To>	[1..1]		Đơn vị nhận tin điện (To)	
2	<OrgId>	[1..1]			
3	<Nm>	[0..1]	Text{1,140}	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	
3	<Id>	[0..1]			
4	<OrgId>	[1..1]			
5	<Othr>	[0..1]			
6	<Id>	[1..1]	Text{1,35}	Mã đơn vị nhận tin điện	Mã 8 số theo bảng mã hệ thống ngân hàng: [0-9]{8,8}
1	<BizMsgIdr>	[1..1]	Text{1,35}	Số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ	[0-9]{8,8}<yyyyMMdd>xxxx
1	<MsgDefIdr>	[1..1]	Text{1,35}	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	Nhận một trong các giá trị sau: - camt.060.001.03 tin điện truy vấn thông tin; - camt.052.001.06: tin điện phản hồi thông tin tài khoản đảm bảo; - camt.053.001.06: tin điện phản hồi thông tin sao kê tài khoản; - camt.059.001.05: tin điện phản hồi thông tin lỗi.
1	<CreDt>	[1..1]	DateTime	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	ISODateTime format (yyyy-MM-ddThh:mm:ssZ)
1	<Sgntr>	[1..1]	Text{1,350}	Chữ ký (Signature)	- Thực hiện ký toàn bộ dữ liệu của một trong các tin điện đi kèm theo sau BAH ( <b>không ký phần AppHdr</b> ), cụ thể: + AccountReportingRequest; + BankToCustomerAccountReport; + BankToCustomerStatement;



					+ NotificationToReceiveStatusReport. - Quy định về ký và xác thực tại Mục 6.
2	<SignatureEnvelope>	[1..1]	Text{1,350}		Chuỗi document sau khi ký được đưa vào thẻ này

## 2. Quy định về AccountReportingRequest

### 2.1. Phạm vi sử dụng

- Tin điện này được gửi bởi NHNN tới các TCTD;
- Sử dụng để yêu cầu các TCTD thực hiện cung cấp một trong các thông tin gồm: i) tài khoản đảm bảo thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT mở tại TCTD; ii) sao kê tài khoản của khách hàng (cá nhân hoặc tổ chức) tại TCTD.

### 2.2. Quy định chi tiết

Cấp độ thẻ XML (Level of XML Tag)	Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Yêu cầu bắt buộc (Element Multiplicity)	Kiểu dữ liệu/Giá trị (Type / Code)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Ghi chú (Note)
Root	<Document>				
0	<AcctRptgReq>			AccountReportingRequestV03 (camt.060.001.03)	
1	<GrpHdr>	[1..1]		Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
2	<MsgId>	[1..1]	text{1,35}	Số định danh tin điện (Message Identification)	[0-9]{8,8}<yyyyMMdd>xxxx (Trong đó [0-9]{8,8} là mã 8 số của đơn vị)
2	<CreDtTm>	[1..1]	DateTime	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	ISODateTime format (yyyy-MM-ddThh:mm:ssZ)



1	<RptgReq>	[1..*]		Thông tin yêu cầu báo cáo (Statement)	
2	<ReqdMsgNmId>	[1..1]		Yêu cầu tin đi điện trả lời (RequestedMessageNameIdentification)	(i) Tin điện báo cáo số dư tài khoản (AccountReport): camt.052.001.06 (ii) Tin điện sao kê tài khoản (AccountStatement): camt.053.001.06
2	<Acct>	[0..1]			
3	<Id>	[1..1]			
4	<Othr>	[1..1]			
5	<Id>	[1..1]		Số tài khoản cần tra cứu thông tin	
3	<Tp>	[0..1]			
4	<Cd>	[1..1]	CodeSet	Loại tài khoản cần tra cứu thông tin (Code)	Tham chiếu mục 8.1. Bảng danh mục tài khoản
3	<Ccy>	[0..1]		Loại tiền tệ (Currency)	[A-Z]{3,3}
2	<AcctOwnr>	[1..1]		Thông tin về chủ tài khoản (AccountOwner)	
3	<Pty>	[1..1]			
4	<Nm>	[0..1]	Text{1,140}	Tên chủ tài khoản	
4	<Id>	[0..1]			
5	<OrgId> hoặc <PrvtId>	[1..1]			- Sử dụng <OrgId> với khách hàng là tổ chức.



					- Sử dụng <PrvtId> với khách hàng là cá nhân
6	<Othr>	[0..1]			
7	<Id>	[1..1]	Text{1,35}	Số định danh của chủ tài khoản	- Số CMND/ Thẻ căn cước/ Số hộ chiếu (đối với tài khoản cá nhân) - Mã số thuế/ Số đăng ký kinh doanh (đối với tài khoản là tổ chức)
2	<RptgPrd>	[0..1]		Kỳ sao kê	Chỉ sử dụng đối với tin điện yêu cầu trả về thông tin sao kê tài khoản
3	<FrToDt>	[1..1]			
4	<FrDt>	[1..1]	Date	Ngày bắt đầu	ISODate format (yyyy-MM-dd)
4	<ToDt>	[0..1]	Date	Ngày kết thúc	ISODate format (yyyy-MM-dd)
3	<FrToTm>	[1..1]			
4	<FrTm>	[1..1]	Time	Thời gian bắt đầu	hh:mm:ss
4	<ToTm>	[0..1]	Time	Thời gian kết thúc	hh:mm:ss
3	<Tp>	[1..1]	CodeSet		Giá trị mặc định: ALLL

### 3. Quy định về BankToCustomerAccountReport

#### 3.1. Phạm vi sử dụng

-Tin điện này được gửi bởi từ các TCTD tới NHNN;



- Căn cứ quy định về định dạng tin điện trả lời (<ReqdMsgNmId> = camt.052.001.06) của tin điện nghiệp vụ truy vấn (Request Message) TCTD thực hiện phản hồi các thông tin về tài khoản đảm bảo thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT mở tại TCTD.

### 3.2. Quy định chi tiết

Cấp độ thẻ XML (Level of XML Tag)	Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Yêu cầu bắt buộc (Element Multiplicity)	Kiểu dữ liệu/Giá trị (Type / Code)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Ghi chú (Note)
Root	<Document>				
0	<BkToCstmrAcctRpt>			BankToCustomerAccountReportV06 (camt.052.001.06)	
1	<GrpHdr>	[1..1]		Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
2	<MsgId>	[1..1]	Text{1,35}	Số định danh tin điện (Message Identification)	[0-9]{8,8}<yyyyMMdd>xxxxxx xx (Trong đó [0-9]{8,8} là mã 8 số của đơn vị)
2	<CreDtTm>	[1..1]	DateTime	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	ISODateTime format (yyyy-MM-ddThh:mm:ssZ)
1	<Rpt>	[1..*]		Thông tin tài khoản đảm bảo thanh toán (Report)	
2	<Id>	[1..1]	Text{1,35}	Mã tin điện (Identification)	
2	<CreDtTm>	[1..1]	DateTime	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	ISODateTime format (yyyy-MM-ddThh:mm:ssZ)
2	<Acct>	[1..1]			



3	<Id>	[1..1]			
4	<Othr>	[1..1]			
5	<Id>	[1..1]	Text{1,34}	Số tài khoản (Identification)	
3	<Tp>	[0..1]			
4	<Cd>	[1..1]	CodeSet	Loại tài khoản	Tham chiếu mục 8.1. Bảng danh mục tài khoản Đối với tài khoản đảm bảo thanh toán, sử dụng giá trị: OTHR
3	<Ccy>	[0..1]	CodeSet	Loại tiền	[A-Z]{3,3}
3	<Ownr>	[0..1]			
4	<Nm>	[0..1]	Text{1,140}	Tên chủ tài khoản	
2	<Bal>	[1..*]		Số dư (Balance)	Sử dụng 02 thẻ <Bal> để khai báo số dư đầu ngày, số dư khả dụng
3	<Tp>	[1..1]		Loại số dư (Type)	Xác định loại số dư dựa vào giá trị khai báo ở thẻ <Cd>
4	<CdOrPrtry>	[1..1]			
5	<Cd>	[1..1]	CodeSet	Mã loại số dư (Code)	Nhận một trong các giá trị: - Số dư đầu ngày: OPBD; - Số dư khả dụng: INFO.
3	<Amt>	[1..1]	0 <= decimal totalDigits = 18 fractionDigit	Số tiền (Amount)	



			s = 5		
	<Ccy>			Đơn vị tiền tệ	[A-Z]{3,3}
3	<CdtDbtInd>	[1..1]	CodeSet	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	- Giao dịch ghi có: CRDT; - Giao dịch ghi nợ: DBIT. Với số dư thì thẻ này để giá trị là 'CRDT'.
3	<Dt>	[1..1]			
4	<Dt>	[1..1]	ISODate	Ngày dữ liệu	ISODate (yyyy-MM-dd)
2	<Ntry>	[0..*]		Thông tin giao dịch chuyển tiền vào/ra tài khoản đảm bảo thanh toán của ngày thu thập thông tin (Entry)	
3	<Amt>	[1..1]	0 <= decimal td = 18 fd = 5	Tổng giá trị giao dịch (Amount)	
	<Ccy>			Đơn vị tiền tệ	
3	<CdtDbtInd>	[1..1]	CodeSet	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	- Giao dịch chuyển tiền vào: CRDT; - Giao dịch chuyển tiền ra: DBIT.
3	<Sts>	[1..1]	CodeSet		Giá trị mặc định : INFO.
3	<ValDt>	[0..1]			
4	<Dt>	[1..1]	Date	Ngày giao dịch (Date)	ISODate (yyyy-MM-dd)



3	<BkTxCd>	[1..1]			
4	<Domn>	[1..1]			
5	<Cd>	[1..1]	Text{4,4}		Đề giá trị: 1111
5	<Fmly>	[1..1]			
6	<Cd>	[1..1]	Text{4,4}		Đề giá trị: 1111
6	<SubFmlyCd>	[1..1]	Text{4,4}		Đề giá trị: 1111
3	<NtryDtls>	[0..*]			
4	<Btch>	[0..1]			
5	<NbOfTxs>	[0..1]	Text{1,15}	Số lượng giao dịch (NumberOfTransactions)	[0-9]{1,15}

## 4. Quy định về BankToCustomerStatement

### 4.1. Phạm vi sử dụng

- Tin điện này được gửi bởi từ các TCTD tới NHNN;
- Căn cứ quy định về định dạng tin điện trả lời (<ReqdMsgNmId> = camt.053.001.06) của tin điện nghiệp vụ truy vấn (Request Message) TCTD thực hiện phản hồi các thông tin về sao kê tài khoản của khách hàng (cá nhân hoặc tổ chức) tại TCTD.





## 4.2. Quy định chi tiết

Cấp độ thẻ XML (Level of XML Tag)	Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Yêu cầu bắt buộc (Element Multiplicity)	Kiểu dữ liệu/Giá trị (Type / Code)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Ghi chú (Note)
Root	<Document>				
0	<BkToCstmrStmnt>			BankToCustomerStatementV06 (camt.053.001.06)	
1	<GrpHdr>	[1..1]		Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
2	<MsgId>	[1..1]	Text{1,35}	Số định danh tin điện (Message Identification)	[0-9]{8,8}<yyyyMMdd>xxxx (Trong đó [0-9]{8,8} là mã 8 số của đơn vị)
2	<CreDtTm>	[1..1]	DateTime	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	ISODateTime format (yyyy-MM-ddThh:mm:ssZ)
1	<Stmnt>	[1..*]		Thông tin sao kê tài khoản (Statement)	
2	<Id>	[1..1]	Text{1,35}	Mã tin điện (Identification)	
2	<CreDtTm>	[1..1]	DateTime	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	ISODateTime format (yyyy-MM-ddThh:mm:ssZ)
2	<FrToDt>	[0..1]		Kỳ sao kê (FromDate)	
3	<FrDtTm>	[1..1]	DateTime	Thời gian bắt đầu (FromDate)	ISODateTime format (yyyy-MM-ddThh:mm:ssZ)
3	<ToDtTm>	[1..1]	DateTime	Thời gian kết thúc (ToDate)	ISODateTime format (yyyy-MM-ddThh:mm:ssZ)
2	<Acct>	[1..1]			
3	<Id>	[1..1]			



4	<Othr>	[1..1]			
5	<Id>	[1..1]	Text{1,34}	Số tài khoản (Identification)	
3	<Tp>	[0..1]			
4	<Cd>	[1..1]	CodeSet	Loại tài khoản	Tham chiếu mục 8.1. Bảng danh mục tài khoản
3	<Ccy>	[0..1]	CodeSet	Loại tiền	[A-Z]{3,3}
3	<Ownr>	[0..1]			
4	<Nm>	[0..1]	Text{1,140}	Tên chủ tài khoản	
4	<PstlAdr>	[0..1]			
5	<BldgNb>	[0..1]	Text{1,16}	Số nhà (BuildingNumber)	
5	<StrtNm>	[0..1]	Text{1,70}	Tên đường (StreetName)	
5	<TwnNm>	[0..1]	Text{1,35}	Quận, huyện (TownName)	
5	<PstCd>	[0..1]	Text{1,16}	Mã Post Code tỉnh, thành phố (PostCode)	Mã Zip Postal Code gồm 06 số
2	<Bal>	[1..*]		Số dư hoặc doanh số (Balance)	Sử dụng 04 thẻ <Bal> để khai báo số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ, doanh số nợ trong kỳ, doanh số có trong kỳ.
3	<Tp>	[1..1]		Loại số dư/ doanh số (Type)	Xác định loại số dư/doanh số dựa vào giá trị khai báo ở thẻ <Cd> và thẻ <CdtDbtInd>
4	<CdOrPrtry>	[1..1]			



5	<Cd>	[1..1]	CodeSet	Mã loại số dư (Code)	Nhận một trong các giá trị: - Số dư đầu kỳ: OPBD; - Số dư cuối kỳ: CLBD; - Doanh số trong kỳ: ITBD
3	<Amt>	[1..1]	0 <= decimal td = 18 fd = 5	Số tiền (Amount)	Giá trị của số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ/doanh số nợ trong kỳ/doanh số có trong kỳ
	<Ccy>			Đơn vị tiền tệ	
3	<CdtDbtInd>	[1..1]	CodeSet	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	- Giao dịch ghi có: CRDT; - Giao dịch ghi nợ: DBIT. + Với số dư thì thẻ này để giá trị là 'CRDT' + Với doanh số nợ: DBIT + Với doanh số có: CRDT
3	<Dt>	[1..1]			
4	<Dt>	[1..1]	ISODate	Ngày dữ liệu	ISODate (yyyy-MM-dd)
2	<Ntry>	[0..*]		Thông tin chi tiết (Thông tin theo từng giao dịch) (Entry)	
3	<Amt>	[1..1]	0 <= decimal td = 18 fd = 5	Số tiền	Số tiền giao dịch trong món giao dịch đó (rút tiền ra hoặc chuyển tiền vào)
	<Ccy>			Đơn vị tiền tệ	
3	<CdtDbtInd>	[1..1]	CodeSet	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	- Giao dịch ghi có: CRDT; - Giao dịch ghi nợ: DBIT.
3	<Sts>	[1..1]			Giá trị mặc định "INFO"
3	<ValDt>	[0..1]			



4	<Dt>	[1..1]	ISODate	Ngày dữ liệu	ISODate (yyyy-MM-dd)
3	<AcctSvrRef>	[0..1]	Text{1,35}	Số chứng từ	
3	<Avlbty>	[0..*]		Số dư (theo từng giao dịch)	
4	<Dt>	[1..1]			
5	<ActlDt>	[1..1]	Date	Ngày giao dịch (Date)	ISODate (yyyy-MM-dd)
4	<Amt>	[1..1]	0 <= decimal td = 18 fd = 5	Số tiền	Số dư còn lại sau giao dịch
	<Ccy>			Đơn vị tiền tệ	
4	<CdtDbtInd>	[1..1]	CodeSet	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	- Giao dịch ghi có: CRDT; - Giao dịch ghi nợ: DBIT. Đề giá trị là 'CRDT' vì đang khai báo số dư còn lại sau món giao dịch
3	<BkTxCd>	[1..1]			
4	<Domn>	[1..1]			
5	<Cd>	[1..1]	Text{4,4}		Đề giá trị: 1111
5	<Fmly>	[1..1]			
6	<Cd>	[1..1]	Text{4,4}		Đề giá trị: 1111
6	<SubFmlyCd>	[1..1]	Text{4,4}		Đề giá trị: 1111
3	<NtryDtls>	[0..*]			



4	<TxDtls>	[0..*]			
5	<Amt>	[1..1]	0 <= decimal td = 18 fd = 5	Số tiền	Số tiền giao dịch trong món giao dịch đó (rút tiền ra hoặc chuyển tiền vào)
	<Ccy>			Đơn vị tiền tệ	
5	<CdtDbtInd>	[1..1]	CodeSet		- Giao dịch ghi có: CRDT; - Giao dịch ghi nợ: DBIT.
5	<AddtlTxInf>	[0..1]	Text{1,500}	Nội dung chi tiết giao dịch (AdditionalTransactionInformat ion)	

## 5. Quy định về NotificationToReceiveStatusReport

### 5.1. Phạm vi sử dụng

- Khi TCTD không tìm thấy thông tin phù hợp với yêu cầu của tin điện nghiệp vụ truy vấn (Request Message) từ NHNN, hoặc có lỗi trong quá trình xử lý yêu cầu, TCTD gửi tin điện này cho NHNN để thông báo kết quả xử lý.

- Khi NHNN nhận được tin điện phản hồi của TCTD, sẽ thực hiện kiểm tra tin điện trả về. Nếu kiểm tra thấy sai sót hoặc có lỗi, NHNN gửi tin điện này cho TCTD để thông báo kết quả xử lý. TCTD căn cứ thông tin lỗi nhận được, số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ (tại thẻ <BizMsgIdr> của BAH) và quy định về định dạng tin điện trả lời <ReqdMsgNmId> của tin điện khởi tạo nghiệp vụ để xử lý và phản hồi tin điện kết quả tương ứng.

### 5.2. Quy định chi tiết

Cấp độ thẻ XML (Level of XML Tag)	Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Yêu cầu bắt buộc (Element Multiplicity)	Kiểu dữ liệu/Giá trị (Type / Code)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Ghi chú (Note)
0	<NtfctnToRcvStsRpt>			NotificationToReceiveStatusReportV05 (camt.059.001.05)	



1	<GrpHdr>	[1..1]		Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
2	<MsgId>	[1..1]		Số định danh tin điện (Message Identification)	[0-9]{8,8}<yyyyMMdd>xxxx
2	<CreDtTm>	[1..1]		Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	
1	<OrgnlNtfctnAndSts>	[1..1]		OriginalNotificationAndStatus	
2	<OrgnlMsgId>	[1..1]	Text{1,35}	Số định danh tin điện bị lỗi (OriginalMessageIdentification)	Số định danh tin điện bị lỗi [0-9]{8,8}<yyyyMMdd>xxxx
2	<OrgnlNtfctnId>	[1..1]	Text{1,35}	Mô tả lỗi	
2	<AddtlStsInf>	[0..1]	Text{1,140}	Thông tin lỗi (AdditionalStatusInformation)	Tham khảo thông tin lỗi tại Mục 7.2. Bảng danh mục lỗi

## 6. Quy định về ký số và xác thực tin điện

- Hệ thống thu thập thông tin trực tuyến sử dụng hệ thống khóa công khai để thực hiện ký số/xác thực tin điện trao đổi giữa các bên tham gia hệ thống, cụ thể:

+ NHNN, TCTD sử dụng khóa mật (Private Key) để mã hóa và ký số tin điện trước khi gửi đi (theo quy trình tại Mục 6.2);

+ NHNN và các TCTD thỏa thuận trao đổi khóa công khai (Public Key) để xác thực tin điện nhận được (theo quy trình xác thực tại Mục 6.3).

- TCTD có thể sử dụng hệ thống khóa công khai của bên thứ ba hoặc tự tạo hệ thống khóa công khai nội bộ (theo hướng dẫn tại Mục 6.1.).

### 6.1. Hướng dẫn tạo Self Signed Certificate sử dụng Java Keytool

#### 6.1.1. Tạo Keystore



```
C:\Program Files\Java\jre1.6.0\bin>keytool -genkey -keyalg RSA -alias SBV -keystore sbvkba.jks -storepass sbvkba -validity 3650 -keysize 2048

What is your first and last name?
[Unknown]: Cuc Cong Nghe Tin Hoc

What is the name of your organizational unit?
[Unknown]: Ngan Hang Nha Nuoc Viet Nam

What is the name of your organization?
[Unknown]: Ngan Hang Nha Nuoc Viet Nam

What is the name of your City or Locality?
[Unknown]: Ha Noi

What is the name of your State or Province?
[Unknown]: Ha Noi

What is the two-letter country code for this unit?
[Unknown]: VN

Is CN=Cuc Cong Nghe Tin Hoc, OU=Ngan Hang Nha Nuoc Viet Nam, O=Ngan Hang Nha Nuoc Viet Nam, L=Ha Noi, ST=Ha Noi, C=84 correct?
[no]: yes

Enter key password for <SBV>

(RETURN if same as keystore password): sbvkba
Re-enter new password: sbvkba
```

### 6.1.2. Tạo File Cert

File Cert tuân theo chuẩn RFC 1421, sử dụng thuật toán mã hóa Base64.

```
C:\Program Files\Java\jre1.6.0\bin>keytool -export -alias SBV -keystore sbvkba.jks -storepass sbvkba -file sbv.cer -rfc
```



Khi đó, sẽ thu được 02 file: (i) sbvkba.jks là file chứa khóa mật (Private Key); (ii) sbv.cer là file chứa khóa công khai (Public Key).

Private Key được NHNN (hoặc TCTD) lưu trữ, dùng riêng để ký tin điện.

Public Key được NHNN (hoặc TCTD) trao đổi cho các đối tác khác, dùng để xác thực tin điện.

## 6.2. Quy trình ký số

Quy trình ký số tin điện gồm 04 bước chính như sau:

- B1. Văn bản được lấy mã nhị phân với mã UTF-8;
- B2. Băm văn bản với thuật toán SHA256 tạo ra chuỗi băm nhị phân;
- B3. Thực hiện ký lên chuỗi băm với thuật toán RSA bằng khóa mật (Private Key) của đơn vị gửi tin điện để tạo ra chuỗi chữ ký số nhị phân;
- B4. Chuyển đổi chuỗi chữ ký số nhị phân sang định dạng xâu chữ ký số với mã Base64.

Mô tả quy trình ký số bằng ngôn ngữ lập trình Java như sau:

```
public class SignMsg {
    public static String signMSg(String sSource,
                                PrivateKey privateKey) {
        byte[] bSource = null;
        byte[] bSourceSha256 = null;
        byte[] bSign = null;
        String bSignBase64 = null;
        try {
            //1.Lay ma nhi phan voi ma UTF-8 chuoi vao sSource
            bSource = sSource.getBytes("UTF-8");
            //2. Bam chuoi ma nhi phan thu duoc voi thuat toan SHA256
            bSourceSha256 = HashingAlgorithm.SHA256(bSource);
            //3.Ky len chuoi bam
```



```

        bSign = signing(bSourceSha1, privateKey);
        //4. Chuyển đổi chu ký dạng nhị phân sang Base64
        bSignBase64 = Base64.base64Encode(bSign);
    } catch (Exception ex) {
        System.out.println "[" + getCurrentDateTimeNow() +
            "]" + signMSg[" + ex.getMessage() + ""]);
    }
    return bSignBase64;
}

private static byte[] signing(byte[] bSourceSha256, PrivateKey privateKey) {
    byte[] bSign = null;
    try {
        Signature sha256_rsa =
            Signature.getInstance("SHA256WithRSA");
        sha256_rsa.initSign(privateKey);

        sha256_rsa.update(bSourceSha256);
        bSign = sha256_rsa.sign();
    } catch (Exception ex) {
        System.out.println "[" + getCurrentDateTimeNow() +
            "]" + signing[" + ex.getMessage() + ""]);
    }
    return bSign;
}

private static String getCurrentDateTimeNow() {
    Calendar cal = Calendar.getInstance();
    SimpleDateFormat sdf = new SimpleDateFormat("yyyy-MM-dd HH:mm:ss");
    return sdf.format(cal.getTime());
}
}

```

## 6.2. Quy trình xác thực

Quy trình xác thực tin điện gồm 04 bước chính như sau:

- B1. Văn bản được lấy mã nhị phân với mã UTF-8;



- B2. Băm văn bản với thuật toán SHA256 tạo ra chuỗi băm nhị phân;
- B3. Chuyển đổi xâu chữ ký số với mã Base64 sang chuỗi chữ ký số nhị phân;
- B4. Thực hiện xác thực chuỗi văn bản băm, chuỗi chữ ký số với khóa công khai (Public Key) của đơn vị gửi tin điện.

Mô tả quy trình xác thực bằng ngôn ngữ lập trình Java như sau:

```
public class VerifyMsg {
    public VerifyMsg() {
    }

    public static boolean verifyMSg(String sSource,
                                   PublicKey publicKey,
                                   String sSign) {
        byte[] bSign = null;
        byte[] bSource = null;
        byte[] bSourceSha256 = null;
        boolean bVerify = false;
        try {
            //1.Lay ma nhi phan voi ma UTF-8 chuoi vao sSource
            bSource = sSource.getBytes("UTF-8");
            //2. Bam chuoi ma nhi phan thu duoc voi thuat toan SHA256
            bSourceSha256 = HashingAlgorithm.SHA256(bSource);
            //3.Chuyen doi chu ky so sSign dang Base64 sang dang nhi phan
            bSign = Base64.base64Decode(sSign);
            //4. Xac thuc
            bVerify = verifying(bSourceSha256, publicKey, bSign);
        } catch (Exception ex) {
            System.out.println "[" + getCurrentDateTimeNow() +
                               "]" + verifyMSg[" + ex.getMessage() + ""]);
        }
        return bVerify;
    }

    private static boolean verifying(byte[] bSourceSha256, PublicKey publicKey,
                                    byte[] bSign) {
        Boolean bverify = null;
        try {
```

```

        Signature sha256_rsa =
            Signature.getInstance("SHA256WithRSA ");
        sha256_rsa.initVerify(publicKey);
        sha256_rsa.update(bSourceSha256);
        bverify = sha256_rsa.verify(bSign);
    } catch (Exception ex) {
        System.out.println "[" + getCurrentDateTimeNow() +
            "]" + "[verifying]" + [" + ex.getMessage() + ""]);
    }
    return bverify;
}

private static String getCurrentDateTimeNow() {
    Calendar cal = Calendar.getInstance();
    SimpleDateFormat sdf = new SimpleDateFormat("yyyy-MM-dd HH:mm:ss");
    return sdf.format(cal.getTime());
}
}

```

## 7. Quy định về mã hóa tin điện

Để bảo mật dữ liệu trong quá trình trao đổi thông tin, NHNN sử dụng kết hợp các giải thuật mã hóa đối xứng và mã hóa bất đối xứng để mã hóa thông tin, cụ thể:

- Sử dụng giải thuật mã hóa đối xứng AES (Advanced Encryption Standard):
  - + Mã hóa nội dung tin điện với các khối dữ liệu 128bit và độ dài khóa 256bit (Key);
  - + Kết hợp sử dụng thêm Initialization Vector (IV) với khóa để tạo ra khóa khác nhau mỗi lần mã hóa.
- Sử dụng giải thuật mã hóa bất đối xứng RSA:
  - + Đơn vị gửi sử dụng PublicKey của đơn vị nhận tin điện để mã hóa Key;
  - + Đơn vị nhận tin điện sử dụng PrivateKey của mình để giải mã tìm Key.

## 7.1. Quy trình mã hóa tin điện

Chuyển tin điện cần mã hóa sang mảng Byte và thực hiện các bước sau để mã hóa tin điện:

- Bước 1: Khởi tạo Initialization Vector (IV) với độ dài mặc định 16byte;
- Bước 2: Tạo khóa bí mật (Key);
- Bước 3: Mã hóa đối xứng mảng byte nội dung cần mã hóa theo thuật toán AES/CBC/PKCS5Padding với khóa bí mật Key và IV;
- Bước 4: Kết hợp IV với chuỗi mã hóa đã thu được tại Bước 3 theo thứ tự;
- Bước 5: Sử dụng PublicKey của đơn vị nhận tin điện để mã hóa Key;
- Bước 6: Kết hợp chuỗi mã hóa thu được tại Bước 5 với chuỗi thu được tại Bước 4 theo thứ tự;
- Bước 7: Chuyển chuỗi thu được tại Bước 6 sang dạng Base64.

## 7.2. Quy trình giải mã tin điện

Giải mã tin điện nhận được ở dạng Base64 như sau:

- Bước 1: Lấy ra độ dài của PublicKey (PublicKey của đơn vị nhận tin điện);
- Bước 2: Chuyển chuỗi nhận được từ dạng Base64 sang mảng byte;
- Bước 3: Tách chuỗi mã hóa Key từ mảng Byte thu được từ Bước 2 (dựa vào độ dài PublicKey);
- Bước 4: Tách chuỗi IV từ mảng Byte thu được từ Bước 2 (độ dài 16byte);
- Bước 5: Tách chuỗi mã hóa nội dung tin điện từ mảng Byte thu được từ Bước 2 (chuỗi còn lại sau khi đã tách chuỗi mã hóa Key và chuỗi IV);
- Bước 6: Sử dụng PrivateKey để giải mã tìm Key từ chuỗi mã hóa Key thu được từ Bước 3;
- Bước 7: Sử dụng Key thu được tại Bước 6 và chuỗi IV thu được tại Bước 4 để giải mã chuỗi mã hóa nội dung tin điện thu được tại Bước 5 thuật toán AES/CBC/PKCS5Padding



### 7.3. Ví dụ về Quy trình mã hóa tin điện/ Quy trình giải mã tin điện (sử dụng ngôn ngữ lập trình Java)

#### 7.3.1. Quy trình mã hóa tin điện

- Đầu vào:
- + objSource: là chuỗi tin điện cần mã hóa;
- + key: là chuỗi tham gia quá trình tạo Key;
- + publicKey: PublicKey của đơn vị nhận tin điện.
- Đầu ra: Chuỗi mã hóa tin điện dạng Base64

```
public static String encrypt_AES_RSA(Object objSource,
                                     String key,
                                     PublicKey publicKey) {
    byte[] bSource = null;
    String base64Return = null;

    try {
        bSource = objSource.toString().getBytes();
        //1. Generating Initialization vector (IV)
        int ivSize = 16;
        byte[] iv = new byte[ivSize];
        SecureRandom random = new SecureRandom();
        random.nextBytes(iv);
        IvParameterSpec ivParameterSpec = new IvParameterSpec(iv);

        //2. Get SecretKey
        SecretKeySpec secretKeySpec = getSecretKeySpec(key);

        //3. Encrypt bSource
        Cipher cipher = Cipher.getInstance("AES/CBC/PKCS5Padding");
        cipher.init(Cipher.ENCRYPT_MODE, secretKeySpec, ivParameterSpec);
        byte[] enSource = cipher.doFinal(bSource);

        //4. Combine ivParameterSpec and enSource encrypted
        byte[] comIVandEnSource = new byte[ivSize + enSource.length];
        System.arraycopy(iv, 0, comIVandEnSource, 0, ivSize);
```

```

        System.arraycopy(enSource, 0, comIVandEnSource, ivSize, enSource.length);

        //5. Encrypt SecretKey with PublicKey
        byte[] enSecretKey = encrypt(secretKeySpec.getEncoded(), publicKey);

        //6. Combine enSecretKey and comIVandEnSource
        byte[] comReturn = new byte[enSecretKey.length + comIVandEnSource.length];
        System.arraycopy(enSecretKey, 0, comReturn, 0, enSecretKey.length);
        System.arraycopy(comIVandEnSource, 0, comReturn, enSecretKey.length, comIVandEnSource.length);

        //7. Convert Byte Array to Base64
        base64Return = Base64.base64Encode(comReturn);
    } catch (Exception ex) {
        System.out.println "[" + getCurrentDateTimeNow() +
            "]" + encrypt_Msg[" + ex.getMessage() + ""];
    }
    return base64Return;
}

```

### 7.3.2. Quy trình giải mã tin điện

- Đầu vào:
  - + objSource: là chuỗi cần giải mã hóa;
  - + privateKey: PrivateKey của đơn vị nhận tin điện;
  - + publicKey: PublicKey của đơn vị nhận tin điện.
- Đầu ra: Chuỗi tin điện sau giải mã.

```

public static String decrypt_AES_RSA(Object objSource,
                                     PrivateKey privateKey,
                                     PublicKey publicKey) {

    int ivSize = 16;
    int keyLength = 0;
    byte[] bSource = null;
    String deReturn = null;
    try {

```



```

//1. Get KeyLength of PublicKey
keyLength = CertUtils.getKeyLength(publicKey)/8;

//2. Decode to Base64 to Byte Array
bSource = Base64.base64Decode(objSource.toString());

//3. Extract Encrypt SecretKey
byte[] enSecretKey = new byte[keyLength];
System.arraycopy(bSource, 0, enSecretKey, 0, keyLength);

//4. Extract IV
byte[] iv = new byte[ivSize];
System.arraycopy(bSource, keyLength, iv, 0, iv.length);
IvParameterSpec ivParameterSpec = new IvParameterSpec(iv);

//5. Extract encrypted part
int encryptedSize = bSource.length - ivSize - keyLength;
byte[] encryptedBytes = new byte[encryptedSize];
System.arraycopy(bSource, keyLength + ivSize, encryptedBytes, 0, encryptedSize);

//6. Get SecretKey
byte[] decryptedKey = decrypt(enSecretKey, privateKey);
SecretKeySpec originalKey = new SecretKeySpec(decryptedKey, 0, decryptedKey.length, "AES");

//7. Decrypt
Cipher cipherDecrypt = Cipher.getInstance("AES/CBC/PKCS5Padding");
cipherDecrypt.init(Cipher.DECRYPT_MODE, originalKey, ivParameterSpec);
byte[] decrypted = cipherDecrypt.doFinal(encryptedBytes);
deReturn = new String(decrypted, "UTF-8");
} catch (Exception ex) {
    System.out.println "[" + getCurrentDateTimeNow() +
        "]" + decrypt_Msg[" + ex.getMessage() + ""]);
}
return deReturn;
}

```

## 8. Bảng dữ liệu tham chiếu

### 8.1. Bảng danh mục tài khoản

STT	Mã	Tên	Mô tả
1	CACC	Current	Tài khoản được sử dụng để ghi có/ghi nợ khi chưa xác định được tài khoản thẻ để sử dụng.
2	CASH	CashPayment	Tài khoản thanh toán tiền mặt.
3	CHAR	Charges	Tài khoản thanh toán phí
4	CISH	CashIncome	Tài khoản thanh toán đến
5	LOAN	Loan	Tài khoản cho vay
6	SACC	Settlement	Tài khoản bù trừ
7	SVGS	Savings	Tài khoản tiết kiệm
8	TRAN	TransactingAccount	Tài khoản giao dịch
9	OTHR	OtherAccount	Các tài khoản khác

**Lưu ý:** Thông tin chủ yếu mà NHNN cần thu thập là các giao dịch phát sinh trên tài khoản, thông tin về loại tài khoản được sử dụng để tham khảo làm rõ cho một số nghiệp vụ của NHNN. Do đó, trong trường hợp không xác định được loại tài khoản của tài khoản thực hiện báo cáo đơn vị chủ động quy đổi tài khoản đó sang loại tài khoản “OTHR”

### 8.2. Bảng danh mục lỗi

STT	Mã	Mô tả
1	01	Lỗi xác thực chữ ký





2	02	Lỗi sai định dạng tin điện
3	03	Lỗi sai kiểu dữ liệu. Đối với mã lỗi này, cấu trúc cụ thể như sau: 03 – Chi tiết thẻ bị lỗi (ghi rõ từ thẻ có cấp độ thấp nhất đến thẻ có cấp độ cao nhất) Ví dụ: 03:BkToCstmrAcctRpt/Stmt/CreDtTm:2017-10
4	04	Lỗi không tồn tại dữ liệu truy vấn
5	05	Lỗi không xác định.

## 9. Quy định về Kết nối giữa NHNN và TCTD

### 9.1. Quy định về xây dựng Web Service

NHNN khuyến cáo các TCTD xây dựng Web Service theo các tiêu chuẩn như sau:

- Sử dụng tiêu chuẩn SOAP 1.2.
- Sử dụng giao thức HTTP hoặc HTTPS để trao đổi thông tin.

```
@WebMethod(operationName = "SendMsgToSbv")
@WebResult(name = "messageOut",
           targetNamespace = "http://www.sbv.gov.vn")
public String sendMsgToSbv(@WebParam(name = "messageIn") String messageIn) {
    //TODO: Các xử lý trong Webservice
    ....
    return String xmlReturn;
}
```

- Input: Web Service của TCTD nhận vào chuỗi String là nội dung tin điện Request NHNN truy vấn đã được mã hóa.

- Output: Sau khi xử lý, Web Service của TCTD trả về chuỗi String là nội dung tin điện tài khoản đảm bảo hoặc sao kê tài khoản đã được mã hóa.

Để dễ dàng hơn trong quá trình verify chữ ký của tin điện, khi tạo tin điện đơn vị để liền một dòng (không thực hiện xuống dòng khi đóng thẻ và sang thẻ mới) và không có ký tự xuống dòng.

Tham khảo chi tiết file *WS\_CI\_SBV.wsdl* trên trang chủ của NHNN ([sbv.gov.vn](http://sbv.gov.vn))

### 9.2. Quy định về đường truyền mạng

NHNN và các TCTD sử dụng kết nối mạng WAN hiện có để triển khai hệ thống thu thập thông tin trực tuyến.



### III. Một số ví dụ áp dụng

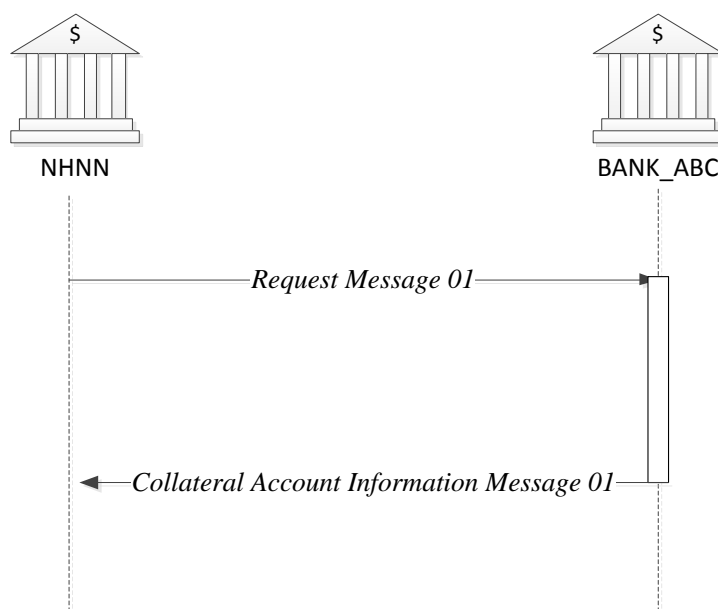
#### 1. Thu thập thông tin tài khoản đảm bảo thanh toán của các tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT mở tại TCTD

##### 1.1. Mô tả ví dụ

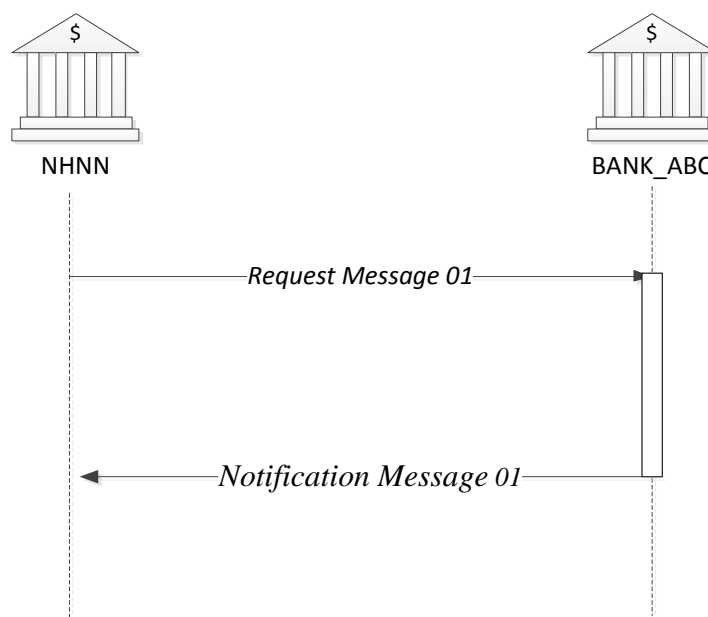
Thời điểm 15h, ngày 15/10/2017, NHNN -Vụ Thanh toán (mã ngân hàng: 01101019) có nhu cầu thu thập thông tin tài khoản đảm bảo của đơn vị cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán TGTT\_XYZ mở tại BANK\_ABC (mã ngân hàng: 01702001). Khi đó NHNN- Vụ Thanh toán thực hiện gửi tin điện nghiệp vụ truy vấn (Request Message) cho BANK\_ABC. Căn cứ nội dung truy vấn, BANK\_ABC thực hiện phản hồi các thông tin về tài khoản đảm bảo thanh toán của TGTT\_XYZ của ngày 15/10/2017 tính đến thời điểm 15h.

Khi đó, có các trường hợp sau xảy ra:

(i) BANK\_ABC nhận tin điện truy vấn *Request Message 01* và thực hiện phản hồi tin điện *Collateral Account Information Message 01* chứa các thông tin về tài khoản đảm bảo thanh toán của TGTT\_XYZ của ngày 15/10/2017 tính đến thời điểm 15h.

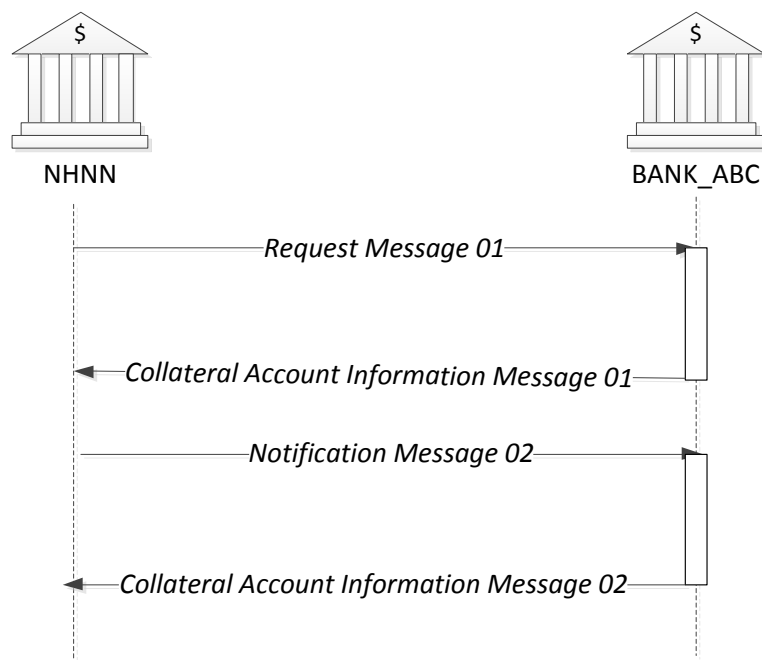


(ii) BANK\_ABC nhận tin điện truy vấn *Request Message 01* và thực hiện phản hồi tin điện *Notification Message 01* để thông báo có lỗi xảy ra trong quá trình xử lý/không có dữ liệu/sai định dạng tin điện,....



(iii) BANK\_ABC nhận tin điện truy vấn *Request Message 01* và thực hiện phản hồi tin điện *Collateral Account Information Message 01*. NHNN thực hiện xử lý tin điện *Collateral Account Information Message 01* bị lỗi.

NHNN gửi tin điện nghiệp vụ thông tin cho BANK\_ABC, thông báo về lỗi trong quá trình xử lý tin điện *Collateral Account Information Message 01* nhận về. BANK\_ABC xử lý lỗi và gửi điện *Collateral Account Information Message 02* cho NHNN.



## 1.2. Thông tin chi tiết từng loại tin điện

### 1.2.1. Tin điện Request Message 01

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
<Request>	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		

<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	Vụ Thanh Toán
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	01101019
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	BANK_ABC
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	01702001
<BizMsgIdr>	Số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ	01101019201710150001

<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.060.001.03
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-10-15T15:00:00
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb 5cff585df42be30f06520d2e063eb62f
<b>AccountReportingRequest</b>		
<Document>		
<AcctRptgReq>	AccountReportingRequestV03 (camt.060.001.03)	
<GrpHdr>	Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
<MsgId>	Số định danh tin điện (Message Identification)	01101019201710150001
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-10-15T15:00:00
<RptgReq>	Thông tin yêu cầu báo cáo (Statement)	
<ReqdMsgNmId>	Yêu cầu tin đi điện trả lời (RequestedMessageNameIdentification)	camt.052.001.06
<Acct>		
<Id>		
<Othr>		
<Id>	Số tài khoản cần tra cứu thông tin	00800808
<Tp>		



<Cd>	Loại tài khoản cần tra cứu thông tin (Code)	
<Ccy>	Loại tiền tệ (Currency)	VND
<AcctOwnr>	Thông tin về chủ tài khoản (AccountOwner)	
<Pty>		
<Nm>	Tên chủ tài khoản	TGTT_XYZ
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Số định danh của chủ tài khoản	1234565

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<Request xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.060.001.03">
  <AppHdr>
    <CharSet>UTF8</CharSet>
    <Fr>
      <OrgId>
        <Nm>Vụ Thanh Toán</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>01101019</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </Fr>
    </AppHdr>
  </Request>
```





```

        </OrgId>
    </Fr>
    <To>
        <OrgId>
            <Nm>BANK_ABC</Nm>
            <Id>
                <OrgId>
                    <Othr>
                        <Id>01702001</Id>
                    </Othr>
                </OrgId>
            </Id>
        </OrgId>
    </To>
    <BizMsgId>01101019201710150001</BizMsgId>
    <MsgDefId>camt.060.001.03</MsgDefId>
    <CreDt>2017-10-15T15:00:00</CreDt>
    <Sgntr>
<SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f</SignatureEnvelope>
    </Sgntr>
</AppHdr>
<Document>
<AcctRptgReq>
    <GrpHdr>
        <MsgId>01101019201710150001</MsgId>
        <CreDtTm>2017-10-15T15:00:00</CreDtTm>
    </GrpHdr>
    <RptgReq>
        <ReqdMsgNmId>camt.052.001.06</ReqdMsgNmId>
        <Acct>
            <Id>
                <Othr>
                    <Id>00800808</Id>
                </Othr>
            </Id>
            <Tp>
                <Cd></Cd>
            </Tp>
            <Ccy>VND</Ccy>
        </Acct>
    </RptgReq>
</AcctRptgReq>
</Document>
</AcctRptgReq>

```

```

        <AcctOwnr>
            <Pty>
                <Nm>TGTT_XYZ</Nm>
                <Id>
                    <OrgId>
                        <Othr>
                            <Id>1234565</Id>
                        </Othr>
                    </OrgId>
                </Id>
            </Pty>
        </AcctOwnr>
    </RptgReq>
</AcctRptgReq>
</Document>
</Request>

```

### 1.2.2. Tin điện Collateral Account Information Message 01

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
<CollateralAccountInformation> >	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	



<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	BANK_ABC
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	01702001
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	Vụ Thanh Toán
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	01101019
<BizMsgIdr>	Số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ	01101019201710150001
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.052.001.06
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-10-15T15:02:00Z
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	



<SignatureEnvelope>		0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf 9eb5cff585df42be30f06520d2e06 3eb62f
<b>BankToCustomerAccountReport</b>		
<Document>		
<BkToCstmrAcctRpt>	BankToCustomerAccountReportV06 (camt.052.001.06)	
<GrpHdr>	Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
<MsgId>	Số định danh tin điện (Message Identification)	01702001201710150001
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-10-15T15:02:00Z
<Stmnt>	Thông tin tài khoản đảm bảo thanh toán (Report)	
<Id>	Mã tin điện (Identification)	01702001201710150001
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-10-15T15:02:00Z
<Acct>		
<Id>		
<Othr>		
<Id>	Số tài khoản (Identification)	1234565
<Tp>		
<Cd>	Loại tài khoản	Tham chiếu mục ở dưới



<Ccy>	Loại tiền	VND
<Ownr>		
<Nm>	Tên chủ tài khoản	TGTT_XYZ
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 2 (OPBD, INFO)	OPBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	5000000 (Ccy="VND")
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-10-15
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 2 (OPBD, INFO)	INFO
<Amt>	Số tiền (Amount)	3000000 (Ccy="VND")



<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-10-15
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Entry)	
<Amt>	Tổng giá trị giao dịch (Amount)	2000000 (Ccy="VND")
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<Sts>		INFO
<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-10-15
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111
<SubFmlyCd>		1111
<NtryDtls>		
<Btch>		



<NbOfTxs>	Số lượng giao dịch (NumberOfTransactions)	3
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Entry)	
<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-10-15
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111
<SubFmlyCd>		1111
<Amt>	Tổng giá trị giao dịch (Amount)	4000000 (Ccy="VND")
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	DBIT
<NtryDtls>		
<Btch>		
<NbOfTxs>	Số lượng giao dịch (NumberOfTransactions)	1

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<CollateralAccountInformation xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
```



```

xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.052.001.06">
<AppHdr>
  <CharSet>UTF8</CharSet>
  <Fr>
    <OrgId>
      <Nm>BANK_ABC</Nm>
      <Id>
        <OrgId>
          <Othr>
            <Id>01702001</Id>
          </Othr>
        </OrgId>
      </Id>
    </OrgId>
  </Fr>
  <To>
    <OrgId>
      <Nm>Vụ Thanh Toán</Nm>
      <Id>
        <OrgId>
          <Othr>
            <Id>01101019</Id>
          </Othr>
        </OrgId>
      </Id>
    </OrgId>
  </To>
  <BizMsgId>01101019201710150001</BizMsgId>
  <MsgDefId>camt.052.001.06</MsgDefId>
  <CreDt>2017-10-15T15:02:00Z</CreDt>
  <Sgntr>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccb9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f</Sgntr>
</AppHdr>
<Document>
<BkToCstmrAcctRpt>
  <GrpHdr>
    <MsgId>01702001201710150001</MsgId>
    <CreDtTm>2017-10-15T15:02:00Z</CreDtTm>
  </GrpHdr>
  <Stmt>

```



```

<Id>01702001201710150001</Id>
<CreDtTm>2017-10-15T15:02:00Z</CreDtTm>
<Acct>
  <Id>
    <Othr>
      <Id>1234565</Id>
    </Othr>
  </Id>
  <Tp>
    <Cd></Cd>
  </Tp>
  <Ccy>VND</Ccy>
  <Ownr>
    <Nm>TGTT_XYZ</Nm>
  </Ownr>
</Acct>
<Bal>
  <Tp>
    <CdOrPrtry>
      <Cd>OPBD</Cd>
    </CdOrPrtry>
  </Tp>
  <Amt Ccy="VND">5000000</Amt>
  <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
  <Dt>
    <Dt>2017-10-15</Dt>
  </Dt>
</Bal>
<Bal>
  <Tp>
    <CdOrPrtry>
      <Cd>INFO</Cd>
    </CdOrPrtry>
  </Tp>
  <Amt Ccy="VND">3000000</Amt>
  <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
  <Dt>
    <Dt>2017-10-15</Dt>
  </Dt>
</Bal>

```

```

<Ntry>
  <Amt Ccy="VND">2000000</Amt>
  <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
  <Sts>INFO</Sts>
  <ValDt>
    <Dt>2017-10-15</Dt>
  </ValDt>
  <BkTxCd>
    <Domn>
      <Cd>1111<Cd>
      <Fmly>
        <Cd>1111<Cd>
        <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
      </Fmly>
    </Domn>
  </BkTxCd>
  <NtryDtls>
    <Btch>
      <NbOfTxs>3</NbOfTxs>
    </Btch>
  </NtryDtls>
</Ntry>
<Ntry>
  <ValDt>
    <Dt>2017-10-15</Dt>
  </ValDt>
  <Amt Ccy="VND">4000000</Amt>
  <CdtDbtInd>DBIT</CdtDbtInd>
  <BkTxCd>
    <Domn>
      <Cd>1111<Cd>
      <Fmly>
        <Cd>1111<Cd>
        <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
      </Fmly>
    </Domn>
  </BkTxCd>
  <NtryDtls>
    <Btch>
      <NbOfTxs>1</NbOfTxs>
    </Btch>
  </NtryDtls>
</Ntry>

```

```

        </Btch>
      </NtryDtls>
    </Ntry>
  </Stmt>
</BkToCstmrAcctRpt>
<Document>
<CollateralAccountInformation>

```

### 1.2.3. Tin điện Notification Message 01

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
<Notification>	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	BANK_ABC
<Id>		

<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	01702001
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	Vụ Thanh Toán
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	01101019
<BizMsgIdr>	Số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ	01101019201710150001
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.059.001.05
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-10-15T15:05:00Z
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	
<SignatureEnvelope>		0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf 9eb5cff585df42be30f06520d2e06 3eb62f
<b>NotificationToReceiveStatusReport</b>		



<Document>		
<NtfctnToRcvStsRpt>		
<GrpHdr>	Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
<MsgId>	Số định danh tin điện (Message Identification)	01702001201710150002
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-10-15T15:05:00Z
<OrgnlNtfctnAndSts>	OriginalNotificationAndStatus	
<OrgnlMsgId>	Số định danh tin điện bị lỗi (OriginalMessageIdentification)	01101019201710150001
<OrgnlNtfctnId>		Lỗi xác thực chu kỳ
<AddtlStsInf>	Thông tin lỗi (AdditionalStatusInformation)	01

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<Notification xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.059.001.05">
  <AppHdr>
    <CharSet>UTF8</CharSet>
    <Fr>
      <OrgId>
        <Nm>BANK_ABC</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>01702001</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </OrgId>
    </Fr>
  </AppHdr>
</Notification>
```



```

        <To>
            <OrgId>
                <Nm>Vụ Thanh Toán</Nm>
                <Id>
                    <OrgId>
                        <Othr>
                            <Id>01101019</Id>
                        </Othr>
                    </OrgId>
                </Id>
            </OrgId>
        </To>
        <BizMsgId>01101019201710150001</BizMsgId>
        <MsgDefId> camt.059.001.05</MsgDefId>
        <CreDt>2017-10-15T15:05:00Z</CreDt>
        <Sgntr>
<SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f</SignatureEnvelope>
        </Sgntr>
    </AppHdr>
    <Document>
    <NtfctnToRcvStsRpt >
        <GrpHdr>
            <MsgId>01702001201710150002</MsgId>
            <CreDtTm>2017-10-15T15:05:00Z</CreDtTm>
        </GrpHdr>
        <OrgnlNtfctnAndSts>
            <OrgnlMsgId>01101019201710150001</OrgnlMsgId>
            <OrgnlNtfctnId>loi xac thuc chu ky</OrgnlNtfctnId>
            <AddtlStsInf>01</AddtlStsInf>
        </OrgnlNtfctnAndSts>
    </NtfctnToRcvStsRpt>
    </Document>
</Notification>

```

#### 1.2.4. Tin điện Notification Message 02



Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
<Notification>	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	Vụ Thanh Toán
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	01101019
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	BANK_ABC
<Id>		



<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	01702001
<BizMsgIdr>	Số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ	01101019201710150001
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.059.001.05
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-10-15T15:10:00Z
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	
<SignatureEnvelope>		0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf 9eb5cff585df42be30f06520d2e06 3eb62f
<b>NotificationToReceiveStatusReport</b>		
<Document>		
<NtfctnToRcvStsRpt>		
<GrpHdr>	Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
<MsgId>	Số định danh tin điện (Message Identification)	01101019201710150005
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-10-15T15:10:00Z
<OrgnlNtfctnAndSts>	OriginalNotificationAndStatus	
<OrgnlMsgId>	Số định danh tin điện bị lỗi ( OriginalMessageIdentification)	01702001201710150001



<OrgnlNtfctnId>		Lỗi sai định dạng tin điện
<AddtlStsInf>	Thông tin lỗi (AdditionalStatusInformation)	03:BkToCstmrAcctRpt/Stmt/CreDtTm:2017-10-15

```

<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<Notification xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.059.001.05">
  <AppHdr>
    <CharSet>UTF8</CharSet>
    <Fr>
      <OrgId>
        <Nm>Vụ Thanh Toán</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>01101019</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </OrgId>
    </Fr>
    <To>
      <OrgId>
        <Nm>BANK_ABC</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>01702001</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </OrgId>
    </To>
    <BizMsgIdr>01101019201710150001</BizMsgIdr>
    <MsgDefIdr> camt.059.001.05</MsgDefIdr>
    <CreDt>2017-10-15T15:10:00Z</CreDt>
  </AppHdr>
</Notification>

```



```

    <Sgntr>
<SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccb9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f<SignatureEnvelope>
    </Sgntr>
</AppHdr>
<Document>
<NtfctnToRcvStsRpt>
    <GrpHdr>
        <MsgId>01101019201710150005</MsgId>
        <CreDtTm>2017-10-15T15:10:00Z</CreDtTm>
    </GrpHdr>
    <OrgnlNtfctnAndSts>
        <OrgnlMsgId>01702001201710150001</OrgnlMsgId>
        <OrgnlNtfctnId>Loi sai dinh dang tin dien</OrgnlNtfctnId>
        <AddtlStsInf>03:BkToCstmrAcctRpt/Stmt/CreDtTm:2017-10-15</AddtlStsInf>
    </OrgnlNtfctnAndSts>
</NtfctnToRcvStsRpt>
</Document>
</Notification>

```

#### 1.2.4. Tin điện Collateral Account Information Message 02

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
<CollateralAccountInformation> >	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	



<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	BANK_ABC
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	01702001
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	Vụ Thanh Toán
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	01101019
<BizMsgIdr>	Số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ	01101019201710150001
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.052.001.06
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-10-15T15:30:00Z
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	



<SignatureEnvelope>		0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf 9eb5cff585df42be30f06520d2e06 3eb62f
<b>BankToCustomerAccountReport</b>		
<Document>		
<BkToCstmrAcctRpt>	BankToCustomerAccountReportV06 (camt.052.001.06)	
<GrpHdr>	Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
<MsgId>	Số định danh tin điện (Message Identification)	01702001201710150005
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-10-15T15:30:00Z
<Stmnt>	Thông tin tài khoản đảm bảo thanh toán (Report)	
<Id>	Mã tin điện (Identification)	01702001201710150001
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-10-15T15:30:00Z
<Acct>		
<Id>		
<Othr>		
<Id>	Số tài khoản (Identification)	1234565
<Tp>		
<Cd>	Loại tài khoản	Tham chiếu mục ở dưới



<Ccy>	Loại tiền	VND
<Ownr>		
<Nm>	Tên chủ tài khoản	TGTT_XYZ
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 2 (OPBD, INFO)	OPBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	5000000 (Ccy="VND")
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-10-15
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 2 (OPBD, INFO)	INFO
<Amt>	Số tiền (Amount)	3000000 (Ccy="VND")



<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-10-15
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Entry)	
<Amt>	Tổng giá trị giao dịch (Amount)	2000000 (Ccy="VND")
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<Sts>		INFO
<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-10-15
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111
<SubFmlyCd>		1111
<NtryDtls>		
<Btch>		



<NbOfTxs>	Số lượng giao dịch (NumberOfTransactions)	3
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Entry)	
<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-10-15
<Amt>	Tổng giá trị giao dịch (Amount)	4000000 (Ccy="VND")
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	DBIT
<Sts>		INFO
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111
<SubFmlyCd>		1111
<NtryDtls>		
<Btch>		
<NbOfTxs>	Số lượng giao dịch (NumberOfTransactions)	1



```

<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<CollateralAccountInformation xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.052.001.06">
<AppHdr>
  <CharSet>UTF8</CharSet>
  <Fr>
    <OrgId>
      <Nm>BANK_ABC</Nm>
      <Id>
        <OrgId>
          <Othr>
            <Id>01702001</Id>
          </Othr>
        </OrgId>
      </Id>
    </OrgId>
  </Fr>
  <To>
    <OrgId>
      <Nm>Vụ Thanh Toán</Nm>
      <Id>
        <OrgId>
          <Othr>
            <Id>01101019</Id>
          </Othr>
        </OrgId>
      </Id>
    </OrgId>
  </To>
  <BizMsgIdr>01101019201710150001</BizMsgIdr>
  <MsgDefIdr>camt.052.001.06</MsgDefIdr>
  <CreDt>2017-10-15T15:30:00Z</CreDt>
  <Sgntr>
<SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f</SignatureEnvelope>
  </Sgntr>
</AppHdr>
<Document>
<BkToCstmrAcctRpt>
  <GrpHdr>

```



```

    <MsgId>01702001201710150006</MsgId>
    <CreDtTm>2017-10-15T15:30:00Z</CreDtTm>
  </GrpHdr>
  <Stmt>
    <Id>01702001201710150001</Id>
    <CreDtTm>2017-10-15T15:30:00Z</CreDtTm>
    <Acct>
      <Id>
        <Othr>
          <Id>1234565</Id>
        </Othr>
      </Id>
      <Tp>
        <Cd></Cd>
      </Tp>
      <Ccy>VND</Ccy>
      <Ownr>
        <Nm>TGTT_XYZ</Nm>
      </Ownr>
    </Acct>
    <Bal>
      <Tp>
        <CdOrPrtry>
          <Cd>OPBD</Cd>
        </CdOrPrtry>
      </Tp>
      <Amt Ccy="VND">5000000</Amt>
      <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
      <Dt>
        <Dt>2017-10-15 </Dt>
      </Dt>
    </Bal>
    <Bal>
      <Tp>
        <CdOrPrtry>
          <Cd>INFO</Cd>
        </CdOrPrtry>
      </Tp>
      <Amt Ccy="VND">3000000</Amt>
      <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>

```

```

        <Dt>
            <Dt>2017-10-15</Dt>
        </Dt>
    </Bal>
    <Ntry>
        <Amt Ccy="VND">2000000</Amt>
        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        <Sts>INFO</Sts>
        <ValDt>
            <Dt>2017-10-15</Dt>
        </ValDt>
        <BkTxCd>
            <Domn>
                <Cd>1111<Cd>
                <Fmly>
                    <Cd>1111<Cd>
                    <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
                </Fmly>
            </Domn>
        </BkTxCd>
        <NtryDtls>
            <Btch>
                <NbOfTx>3</NbOfTx>
            </Btch>
        </NtryDtls>
    </Ntry>
    <Ntry>
        <Amt Ccy="VND">4000000</Amt>
        <CdtDbtInd>DBIT</CdtDbtInd>
        <Sts>INFO</Sts>
        <BkTxCd>
            <Domn>
                <Cd>1111<Cd>
                <Fmly>
                    <Cd>1111<Cd>
                    <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
                </Fmly>
            </Domn>
        </BkTxCd>
        <NtryDtls>

```

```

                <Btch>
                    <NbOfTxs>1</NbOfTxs>
                </Btch>
            </NtryDtls>
        </Ntry>
    </Stmt>
</BkToCstmrAcctRpt>
<Document>
</CollateralAccountInformation>

```

## 2. Thu thập thông tin sao kê tài khoản của khách hàng (cá nhân hoặc tổ chức) tại TCTD

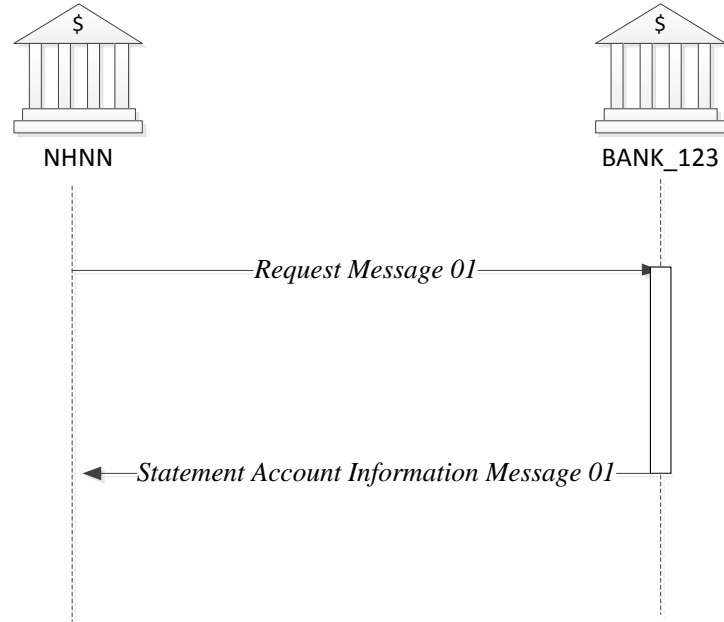
### 2.1. Mô tả ví dụ

- Thời điểm 9h, ngày 10/11/2017, NHNN -Vụ Thanh toán (mã ngân hàng: 01101019) có nhu cầu thu thập thông tin sao kê tài khoản của ông Nguyễn Văn A mở tại BANK\_123 (mã ngân hàng: 79804001) trong khoảng thời gian từ 1/1/2017 đến 1/3/2017. Căn cứ nội dung truy vấn, BANK\_123 thực hiện phản hồi các thông tin về sao kê tài khoản của ông Nguyễn Văn A từ 1/1/2017 đến 31/3/2017 tính đến thời điểm 17h.

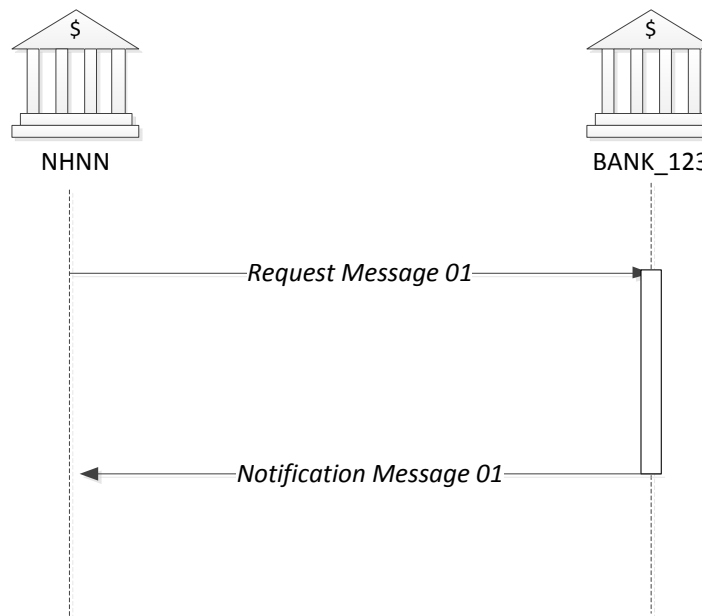
Khi đó, có các trường hợp sau xảy ra:

(i) BANK\_123 nhận tin điện truy vấn Request Message 01 và thực hiện phản hồi tin điện Statement Account Information Message 01 chứa các thông tin về sao kê tài khoản của ông Nguyễn Văn A từ ngày 1/1/2017 đến 31/3/2017 tính đến thời điểm 17h.



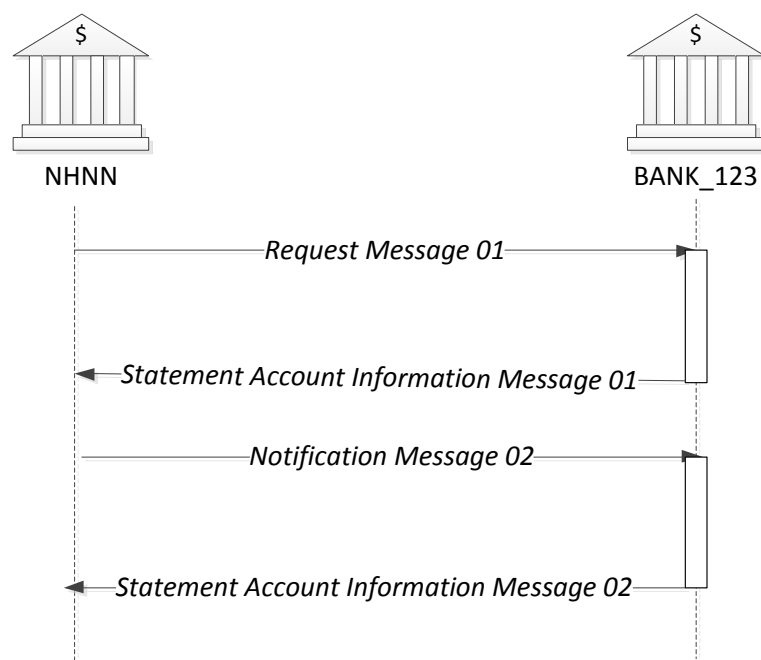


(ii) BANK\_123 nhận tin điện truy vấn Request Message 01 và thực hiện phản hồi tin điện Notification Message 01 để thông báo có lỗi xảy ra trong quá trình xử lý/không có dữ liệu/sai định dạng tin điện,....



(iii) BANK\_123 nhận tin điện truy vấn Request Message 01 và thực hiện phản hồi tin điện Statement Account Information Message 01. NHNN thực hiện xử lý tin điện Statement Account Information Message 01 bị lỗi (Ở đây giả sử tin điện Statement Account Information Message 01 bị lỗi khai báo sai kiểu dữ liệu trong thẻ <Amt>).

NHNN gửi tin điện nghiệp vụ thông tin cho BANK\_123, thông báo về lỗi trong quá trình xử lý tin điện Statement Account Information Message 01 nhận về. BANK\_123 xử lý lỗi và gửi điện Statement Account Information Message 02 cho NHNN.



## 2.2. Nội dung các trường dữ liệu

### 2.2.1. Tin điện Request Message 01

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
<Request>	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	Vụ Thanh Toán
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	01101019
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	



<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	BANK_123
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	79804001
<BizMsgIdr>		01101019201711100005
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.060.001.03
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-11-10T09:00:00Z
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	
<SignatureEnvelope>		0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb 5cff585df42be30f06520d2e063eb62f
<b>AccountReportingRequest</b>		
<Document>		
<AcctRptgReq>	AccountReportingRequestV03 (camt.060.001.03)	
<GrpHdr>	Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
<MsgId>	Số định danh tin điện (Message Identification)	01101019201711100005
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-11-10T09:00:00Z



<RptgReq>	Thông tin yêu cầu báo cáo (Statement)	
<ReqdMsgNmId>	Yêu cầu tin đi điện trả lời (RequestedMessageNameIdentification)	camt.053.001.06
<Acct>		
<Id>		
<Othr>		
<Id>	Số tài khoản cần tra cứu thông tin	80080080
<Tp>		
<Cd>	Loại tài khoản cần tra cứu thông tin (Code)	
<Ccy>	Loại tiền tệ (Currency)	VND
<AcctOwnr>	Thông tin về chủ tài khoản (AccountOwner)	
<Pty>		
<Nm>	Tên chủ tài khoản	Nguyễn Văn A
<Id>		
<PrvtId>		
<Othr>		
<Id>	Số CMND	013199828
<RptgPrd>	Kỳ sao kê	





<FrToDt>		
<FrDt>	Ngày bắt đầu	2017-01-01
<ToDt>	Ngày kết thúc	2017-03-31
<FrToTm>		
<FrTm>	Thời gian bắt đầu	08:00:00
<ToTm>	Thời gian kết thúc	17:00:00
<Tp>		ALLL

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<Request xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.060.001.03">
<AppHdr>
  <CharSet>UTF8</CharSet>
  <Fr>
    <OrgId>
      <Nm>Vụ Thanh Toán</Nm>
      <Id>
        <OrgId>
          <Othr>
            <Id>01101019</Id>
          </Othr>
        </OrgId>
      </Id>
    </OrgId>
  </Fr>
  <To>
    <OrgId>
      <Nm>BANK_123</Nm>
      <Id>
```

```

        <OrgId>
            <Othr>
                <Id>79804001</Id>
            </Othr>
        </OrgId>
    </Id>
</OrgId>
</To>
<BizMsgId>01101019201711100005</BizMsgId>
<MsgDefId>camt.060.001.03</MsgDefId>
<CreDt>2017-11-10T09:00:00Z</CreDt>
<Sgntr>
<SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccb9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f</SignatureEnvelope>
</Sgntr>
</AppHdr>
<Document>
<AcctRptgReq>
    <GrpHdr>
        <MsgId>01101019201711100005</MsgId>
        <CreDtTm>2017-11-10T09:00:00Z</CreDtTm>
    </GrpHdr>
    <RptgReq>
        <ReqdMsgNmId>camt.053.001.06</ReqdMsgNmId>
        <Acct>
            <Id>
                <Othr>
                    <Id>80080080</Id>
                </Othr>
            </Id>
            <Tp>
                <Cd>OTHR</Cd>
            </Tp>
            <Ccy>VND</Ccy>
        </Acct>
        <AcctOwnr>
            <Pty>
                <Nm>Nguyễn Văn A</Nm>
                <Id>
                    <OrgId>
                        <Othr>

```

```

<Id>013199828</Id>
  </Othr>
  </OrgId>
  </Id>
  </Pty>
</AcctOwnr>
<RptgPrd>
  <FrToDt>
    <FrDt>2017-01-01</FrDt>
    <ToDt>2017-03-31</ToDt>
  </FrToDt>
  <FrToTm>
    <FrTm>08:00:00</FrTm>
    <ToTm>17:00:00</ToTm>
  </FrToTm>
  <Tp>ALLL</Tp>
</RptgPrd>
</RptgReq>
</AcctRptgReq>
<Document>
</Request>

```

### 2.2.2. Tin điện Statement Account Information Message 01

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
<StatementAccountInformation>	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8



<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	BANK_123
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	79804001
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	Vụ Thanh Toán
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	01101019
<BizMsgIdr>		01101019201711100005
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.053.001.06
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-11-10T09:02:00



<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	
<SignatureEnvelope>		0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf 9eb5cff585df42be30f06520d2e06 3eb62f
<b>BankToCustomerStatement</b>		
<Document>		
<BkToCstmrStmt>	BankToCustomerStatementV06 (camt.053.001.06)	
<GrpHdr>	Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
<MsgId>	Số định danh tin điện (Message Identification)	79804001201711100001
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-11-10T09:02:00Z
<Stmt>	Thông tin sao kê tài khoản (Report)	
<Id>	Mã tin điện (Identification)	79804001201711100001
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-11-10T09:02:00Z
<FrToDt>	Kỳ sao kê (FromToDate)	
<FrDtTm>	Thời gian bắt đầu (FromDateTime)	2017-01-01T08:00:00Z
<ToDtTm>	Thời gian kết thúc (ToDateTime)	2017-03-31T17:00:00Z
<Acct>		
<Id>		

<Othr>		
<Id>	Số tài khoản (Identification)	80080080
<Tp>		
<Cd>	Loại tài khoản	Tham chiếu mục ở dưới
<Ccy>	Loại tiền	VND
<Ownr>		
<Nm>	Tên chủ tài khoản	Nguyễn Văn A
<PstlAdr>		
<BldgNb>	Số nhà (BuildingNumber)	12
<StrtNm>	Tên đường (StreetName)	Nguyễn Chí Thanh
<TwnNm>	Quận, huyện (TownName)	Đống Đa
<PstCd>	Mã Post Code tỉnh, thành phố (PostCode)	100000
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 3 (OPBD, CLBD, ITBD)	OPBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	15000000 (Ccy = VND)



<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-11-10T09:02:00
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 3 (OPBD, CLBD, ITBD)	CLBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	20000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-11-10
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 3 (OPBD, CLBD, ITBD)	ITBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	6000000 (Ccy = VND)



<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	DBIT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-11-10
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 3 (OPBD, CLBD, ITBD)	ITBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	11000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-11-10
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Thông tin theo từng giao dịch) (Entry)	
<Amt>	Số tiền	6000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	DBIT
<Sts>		INFO
<ValDt>		





<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-02-12
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111
<SubFmlyCd>		1111
<AcctSvrRef>	Số chứng từ	DE.0034
<Avlbt>		
<Dt>		
<ActlDt>		2017-02-12
<Amt>	Số tiền	9000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<NtryDtls>		
<TxDtls>		
<Amt>	Số tiền	6000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	DBIT



<AddtlTxInf>	Nội dung chi tiết (AdditionalTransactionInformation)	ATM.HAN.00100101.20202002. SEQ:001234
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Thông tin theo từng giao dịch) (Entry)	
<Amt>	Số tiền	7000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<Sts>		INFO
<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-02-28
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111
<SubFmlyCd>		1111
<AcctSvcrRef>	Số chứng từ	GET.16634
<Avlbt>		
<Dt>		
<ActlDt>		2017-02-28



<Amt>	Số tiền	16000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<NtryDtls>		
<TxDtls>		
<AddtlTxInf>	Nội dung chi tiết (AdditionalTransactionInformation)	ATM.QUB.00100101.20202002.S EQ:005555
<Amt>	Số tiền	7000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Thông tin theo từng giao dịch) (Entry)	
<Amt>	Số tiền	4000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<Sts>		INFO
<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-03-01
<AcctSvrRef>	Số chứng từ	GET.2018
<Avlbty>		
<Dt>		



<ActlDt>		2017-03-01
<Amt>	Số tiền	20000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<NtryDtls>		
<TxDtls>		
<AddtlTxInf>	Nội dung chi tiết (AdditionalTransactionInformation)	ATM.QUB.00100101.20202002. VAL:26789
<Amt>	Số tiền	4000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<StatementAccountInformation xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.053.001.06">
  <AppHdr>
    <CharSet>UTF8</CharSet>
    <Fr>
      <OrgId>
        <Nm>BANK_123</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>79804001</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </OrgId>
    </Fr>
    <To>
```



```

        <OrgId>
            <Nm>Vụ Thanh Toán</Nm>
            <Id>
                <OrgId>
                    <Othr>
                        <Id>01101019</Id>
                    </Othr>
                </OrgId>
            </Id>
        </OrgId>
    </To>
    <BizMsgId>01101019201711100005</BizMsgId>
    <MsgDefId>camt.053.001.06</MsgDefId>
    <CreDt>2017-11-10T09:02:00</CreDt>
    <Sgntr>
<SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccb9eb5cfff585df42be30f06520d2e063eb62f</SignatureEnvelope>
    </Sgntr>
</AppHdr>
<Document>
<BkToCstmrStmt>
    <GrpHdr>
        <MsgId>79804001201711100001</MsgId>
        <CreDtTm>2017-11-10T09:02:00</CreDtTm>
    </GrpHdr>
    <Stmt>
        <Id>79804001201711100001</Id>
        <CreDtTm>2017-11-10T09:02:00</CreDtTm>
        <FrToDt>
            <FrDtTm>2017-01-01T08:00:00</FrDtTm>
            <ToDtTm>2017-03-31T17:00:00</ToDtTm>
        </FrToDt>
        <Acct>
            <Id>
                <Othr>
                    <Id>80080080</Id>
                </Othr>
            </Id>
            <Tp>
                <Cd></Cd>
            </Tp>
        </Acct>
    </Stmt>
</BkToCstmrStmt>
</Document>
</AppHdr>

```

```

        <Ccy>VND</Ccy>
        <Ownr>
            <Nm>Nguyễn Văn A</Nm>
            <PstlAdr>
                <BldgNb>12</BldgNb>
                <StrtNm>Nguyễn Chí Thanh</StrtNm>
                <TwnNm>Thanh Xuân</TwnNm>
                <PstCd>100000</PstCd>
            </PstlAdr>
        </Ownr>
    </Acct>
    <Bal>
        <Tp>
            <CdOrPrtry>
                <Cd>OPBD</Cd>
            </CdOrPrtry>
        </Tp>
        <Amt Ccy="VND">15000000</Amt>
        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        <Dt>
            <Dt>2017-11-10T09:02:00</Dt>
        </Dt>
    </Bal>
    <Bal>
        <Tp>
            <CdOrPrtry>
                <Cd>CLBD</Cd>
            </CdOrPrtry>
        </Tp>
        <Amt Ccy="VND">20000000</Amt>
        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        <Dt>
            <Dt>2017-11-10T09:02:00</Dt>
        </Dt>
    </Bal>
    <Bal>
        <Tp>
            <CdOrPrtry>
                <Cd>ITBD</Cd>
            </CdOrPrtry>

```

```

        </Tp>
        <Amt Ccy="VND">6000000</Amt>
        <CdtDbtInd>DBIT</CdtDbtInd>
        <Dt>
            <Dt>2017-11-10T09:02:00</Dt>
        </Dt>
    </Bal>
    <Bal>
        <Tp>
            <CdOrPrtry>
                <Cd>ITBD</Cd>
            </CdOrPrtry>
        </Tp>
        <Amt Ccy="VND">11000000</Amt>
        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        <Dt>
            <Dt>2017-11-10T09:02:00</Dt>
        </Dt>
    </Bal>
    <Ntry>
        <Amt Ccy="VND">6000000</Amt>
        <CdtDbtInd>DBIT</CdtDbtInd>
        <Sts>INFO</Sts>
        <ValDt>
            <Dt>2017-02-12</Dt>
        </ValDt>
        <AcctSvcrRef>DE.0034</AcctSvcrRef>
        <Avlbty>
            <Dt>
                <ActlDt>2017-02-12</ActlDt>
            </Dt>
            <Amt Ccy="VND">9000000</Amt>
            <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        </Avlbty>
        <NtryDtls>
            <TxDtls>
                <Amt Ccy="VND">6000000</Amt>
                <CdtDbtInd>DBIT</CdtDbtInd>
                <AddtlTxInf>ATM.HAN.00100101.20202002.SEQ:001234</AddtlTxInf>
            </TxDtls>

```

```

        </NtryDtls>
    </Ntry>
    <Ntry>
        <Amt Ccy="VND">7000000</Amt>
        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        <Sts>INFO</Sts>
        <ValDt>
            <Dt>2017-02-28</Dt>
        </ValDt>
        <BkTxCd>
            <Domn>
                <Cd>1111</Cd>
                <Fmly>
                    <Cd>1111</Cd>
                    <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
                </Fmly>
            </Domn>
        </BkTxCd>
        <AcctSvcrRef>GET.16634</AcctSvcrRef>
        <Avlbty>
            <Dt>
                <ActlDt>2017-02-28</ActlDt>
            </Dt>
            <Amt Ccy="VND">16000000</Amt>
            <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        </Avlbty>
        <NtryDtls>
            <TxDtls>
                <Amt Ccy="VND">7000000</Amt>
                <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
                <AddtlTxInf>ATM.QUB.00100101.20202002.SEQ:005555</AddtlTxInf>
            </TxDtls>
        </NtryDtls>
    </Ntry>
    <Ntry>
        <Amt Ccy="VND">4000000</Amt>
        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        <Sts>INFO</Sts>
        <ValDt>
            <Dt>2017-03-01</Dt>

```



```

        </ValDt>
        <BkTxCd>
            <Domn>
                <Cd>1111<Cd>
                <Fmly>
                    <Cd>1111<Cd>
                    <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
                </Fmly>
            </Domn>
        </BkTxCd>
        <AcctSvcrRef>GET.2018</AcctSvcrRef>
        <Avlbty>
            <Dt>
                <ActlDt>2017-03-01</ActlDt>
            </Dt>
            <Amt Ccy="VND">20000000</Amt>
            <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        </Avlbty>
        <NtryDtls>
            <TxDtls>
                <Amt Ccy="VND">4000000</Amt>
                <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
                <AddtlTxInf>ATM.QUB.00100101.20202002.VAL:26789</AddtlTxInf>
            </TxDtls>
        </NtryDtls>
    </Ntry>
</Stmt>
</BkToCstmrStmt>
<Document>
<StatementAccountInformation>

```

### 2.2.3. Tin điện Notification Message 01

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
----------------------------------	---------------------------------	-----------------------



<Notification>	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	BANK_123
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	79804001
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	Vụ Thanh toán
<Id>		
<OrgId>		



<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	01101019
<BizMsgIdr>	Số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ	01101019201711100005
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.059.001.05
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-11-10T09:02:00
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	
<SignatureEnvelope>		0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb 5cff585df42be30f06520d2e063eb62f
<b>NotificationToReceiveStatusReport</b>		
<Document>		
<NtfctnToRcvStsRpt>	NotificationToReceiveStatusReportV05 (camt.059.001.05)	
<GrpHdr>	GroupHeader	
<MsgId>	MessageIdentification	79804001201711100002
<CreDtTm>	CreationDateTime	2017-11-10T09:02:00
<OrgnlNtfctnAndSts>	OriginalNotificationAndStatus	
<OrgnlMsgId>	OriginalMessageIdentification	01101019201711100005
<OrgnlNtfctnId>		Loi 04



<AddtlStsInf>	AdditionalStatusInformation	04
---------------	-----------------------------	----

```

<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<Notification xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.059.001.05">
<AppHdr>
  <CharSet>UTF8</CharSet>
  <Fr>
    <OrgId>
      <Nm>BANK_123</Nm>
      <Id>
        <OrgId>
          <Othr>
            <Id>79804001</Id>
          </Othr>
        </OrgId>
      </Id>
    </OrgId>
  </Fr>
  <To>
    <OrgId>
      <Nm>Vụ Thanh toán</Nm>
      <Id>
        <OrgId>
          <Othr>
            <Id>01101019</Id>
          </Othr>
        </OrgId>
      </Id>
    </OrgId>
  </To>
</AppHdr>
</Notification>

```

```

        </OrgId>
    </To>
    <BizMsgId>01101019201711100005</BizMsgId>
    <MsgDefId>camt.059.001.05</MsgDefId>
    <CreDt>2017-11-10T09:02:00Z</CreDt>
    <Sgntr>
<SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f</SignatureEnvelope>
    </Sgntr>
</AppHdr>
<Document>
<NtfctnToRcvStsRpt>
    <GrpHdr>
        <MsgId>79804001201711100002</MsgId>
        <CreDtTm>2017-11-10T09:02:00Z</CreDtTm>
    </GrpHdr>
    <OrgnlNtfctnAndSts>
        <OrgnlMsgId>01101019201710150005</OrgnlMsgId>
        <OrgnlNtfctnId>Loi_04</OrgnlNtfctnId>
        <AddtlStsInf>04</AddtlStsInf>
    </OrgnlNtfctnAndSts>
</NtfctnToRcvStsRpt>
</Document>
</Notification>

```

#### 2.2.4. Tin điện Notification Message 02

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
----------------------------------	---------------------------------	-----------------------



<Notification>	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	Vụ Thanh toán
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	01101019
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	BANK_123
<Id>		
<OrgId>		



<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	79804001
<BizMsgIdr>	Số định danh tin điện khởi tạo nghiệp vụ	01101019201711100005
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.059.001.05
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-11-10T09:04:00
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	
<SignatureEnvelope>		0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb 5cff585df42be30f06520d2e063eb62f
<b>NotificationToReceiveStatusReport</b>		
<Document>		
<NtfctnToRcvStsRpt>	NotificationToReceiveStatusReportV05 (camt.059.001.05)	
<GrpHdr>	GroupHeader	
<MsgId>	MessageIdentification	79804001201711100002
<CreDtTm>	CreationDateTime	2017-11-10T09:04:00
<OrgnlNtfctnAndSts>	OriginalNotificationAndStatus	
<OrgnlMsgId>	OriginalMessageIdentification	79804001201711100001
<OrgnlNtfctnId>		Lỗi sai định dạng tin điện



<AddtlStsInf>	AdditionalStatusInformation	03:BkToCstmrStmt/Stmt/Bal/Amt:abc
---------------	-----------------------------	-----------------------------------

```

<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<Notification xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.059.001.05">
  <AppHdr>
    <CharSet>UTF8</CharSet>
    <Fr>
      <OrgId>
        <Nm> Vụ Thanh toán</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>01101019</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </OrgId>
    </Fr>
    <To>
      <OrgId>
        <Nm> BANK_123</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>79804001</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </OrgId>
    </To>
  </AppHdr>
</Notification>

```



```

        </OrgId>
    </To>
    <BizMsgId>01101019201711100005</BizMsgId>
    <MsgDefId>camt.059.001.05</MsgDefId>
    <CreDt>2017-11-10T09:04:00Z</CreDt>
    <Sgntr>
<SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f<SignatureEnvelope>
    </Sgntr>
</AppHdr>
<Document>
<NtfctnToRcvStsRpt>
    <GrpHdr>
        <MsgId>79804001201711100002</MsgId>
        <CreDtTm>2017-11-10T09:04:00Z</CreDtTm>
    </GrpHdr>
    <OrgnlNtfctnAndSts>
        <OrgnlMsgId>79804001201711100001</OrgnlMsgId>
        <OrgnlNtfctnId>Loi sai dinh dang tin dien</OrgnlNtfctnId>
        <AddtlStsInf>03:BkToCstmrStmt/Stmt/Bal/Amt:abc</AddtlStsInf>
    </OrgnlNtfctnAndSts>
</NtfctnToRcvStsRpt>
</Document>
</Notification>

```

### 2.2.5. Tin điện Tin điện Statement Account Information Message 02

Tên thẻ XML (Element XML Tag)	Mô tả thẻ XML (Element Name)	Nội dung (Content)
----------------------------------	---------------------------------	-----------------------



<StatementAccountInformation>	Root Element	
<b>Business Application Header (BAH)</b>		
<AppHdr>	BusinessApplicationHeaderV01 (head.001.001.01)	
<CharSet>	Thông tin kiểu dữ liệu của tin điện (CharacterSet)	UTF8
<Fr>	Đơn vị gửi tin điện (From)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị gửi tin điện (Name)	BANK_123
<Id>		
<OrgId>		
<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị gửi tin điện	79804001
<To>	Đơn vị nhận tin điện (To)	
<OrgId>		
<Nm>	Tên đơn vị nhận tin điện (Name)	Vụ Thanh Toán
<Id>		
<OrgId>		



<Othr>		
<Id>	Mã đơn vị nhận tin điện	01101019
<BizMsgIdr>		01101019201711100005
<MsgDefIdr>	Định danh tin điện đi kèm (MessageDefinitionIdentifier)	camt.053.001.06
<CreDt>	Thời gian tạo tin điện (CreationDate)	2017-11-10T09:06:00Z
<Sgntr>	Chữ ký (Signature)	0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf 9eb5cff585df42be30f06520d2e06 3eb62f
<b>BankToCustomerStatement</b>		
<Document>		
<BkToCstmrStmt>	BankToCustomerStatementV06 (camt.053.001.06)	
<GrpHdr>	Thông tin Header của tin điện (Group Header)	
<MsgId>	Số định danh tin điện (Message Identification)	79804001201711100002
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-11-10T09:06:00Z
<Stmt>	Thông tin sao kê tài khoản (Statement)	
<Id>	Mã tin điện (Identification)	79804001201711100002
<CreDtTm>	Thời điểm tạo tin điện (Creation DateTime)	2017-11-10T09:06:00
<FrToDt>	Kỳ sao kê (FromToDate)	



<FrDtTm>	Thời gian bắt đầu (FromDateTime)	2017-01-01T08:00:00Z
<ToDtTm>	Thời gian kết thúc (ToDateTime)	2017-03-31T17:00:00Z
<Acct>		
<Id>		
<Othr>		
<Id>	Số tài khoản (Identification)	80080080
<Tp>		
<Cd>	Loại tài khoản	Tham chiếu mục ở dưới
<Ccy>	Loại tiền	VND
<Ownr>		
<Nm>	Tên chủ tài khoản	Nguyễn Văn A
<PstlAdr>		
<BldgNb>	Số nhà (BuildingNumber)	12
<StrtNm>	Tên đường (StreetName)	Nguyễn Chí Thanh
<TwnNm>	Quận, huyện (TownName)	Đống Đa
<PstCd>	Mã Post Code tỉnh, thành phố (PostCode)	100000
<Bal>	Số dư (Balance)	



<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 3 (OPBD, CLBD, ITBD)	OPBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	15000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-11-10
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 3 (OPBD, CLBD, ITBD)	CLBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	20000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-11-10
<Bal>	Số dư (Balance)	



<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 3 (OPBD, CLBD, ITBD)	ITBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	6000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	DBIT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-11-10
<Bal>	Số dư (Balance)	
<Tp>	Loại số dư (Type)	
<CdOrPrtry>		
<Cd>	Mã loại số dư (Code) Chọn 1 trong 3 (OPBD, CLBD, ITBD)	ITBD
<Amt>	Số tiền (Amount)	11000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode)	CRDT
<Dt>		
<Dt>	Ngày dữ liệu	2017-11-10
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Thông tin theo từng giao dịch) (Entry)	



<Amt>	Số tiền	6000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	DBIT
<Sts>		INFO
<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-02-12
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111
<SubFmlyCd>		1111
<AcctSvcrRef>	Số chứng từ	DE.0034
<Avlbty>		
<Dt>		
<ActlDt>		2017-02-12
<Amt>	Số tiền	9000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT



<NtryDtls>		
<TxDtls>		
<Amt>	Số tiền	6000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	DBIT
<AddtlTxInf>	Nội dung chi tiết (AdditionalTransactionInformation)	ATM.HAN.00100101.20202002. SEQ:001234
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Thông tin theo từng giao dịch) (Entry)	
<Amt>	Số tiền	7000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<Sts>		INFO
<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-02-28
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111





<SubFmlyCd>		1111
<AcctSvcrRef>	Số chứng từ	GET.16634
<Avlbtty>		
<Dt>		
<ActlDt>		2017-02-28
<Amt>	Số tiền	16000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<NtryDtls>		
<TxDtls>		
<Amt>	Số tiền	7000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<AddtlTxInf>	Nội dung chi tiết (AdditionalTransactionInformation)	ATM.QUB.00100101.20202002.S EQ:005555
<Ntry>	Thông tin chi tiết (Thông tin theo từng giao dịch) (Entry)	
<Amt>	Số tiền	4000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<Sts>		INFO



<ValDt>		
<Dt>	Ngày giao dịch (Date)	2017-03-01
<BkTxCd>		
<Domn>		
<Cd>		1111
<Fmly>		
<Cd>		1111
<SubFmlyCd>		1111
<AcctSvcrRef>	Số chứng từ	GET.2018
<Avlbt>		
<Dt>		
<ActlDt>		2017-03-01
<Amt>	Số tiền	20000000 (Ccy = VND)
<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<NtryDtls>		
<TxDtls>		
<Amt>	Số tiền	4000000 (Ccy = VND)



<CdtDbtInd>	Ghi có hoặc ghi nợ (CreditDebitCode) (Chọn 1 trong 2: CRDT, DBIT)	CRDT
<AddtlTxInf>	Nội dung chi tiết (AdditionalTransactionInformation)	ATM.QUB.00100101.20202002. VAL:26789

```

<?xml version="1.0" encoding="UTF-8" standalone="yes"?>
<StatementAccountInformation xmlns:sgn="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#"
xmlns:hdr="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:head.001.001.01"
xmlns:doc="urn:iso:std:iso:20022:tech:xsd:camt.053.001.06">
  <AppHdr>
    <CharSet>UTF8</CharSet>
    <Fr>
      <OrgId>
        <Nm>BANK_123</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>79804001</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </OrgId>
    </Fr>
    <To>
      <OrgId>
        <Nm>Vụ Thanh Toán</Nm>
        <Id>
          <OrgId>
            <Othr>
              <Id>01101019</Id>
            </Othr>
          </OrgId>
        </Id>
      </OrgId>
    </To>
    <BizMsgIdr>01101019201711100005</BizMsgIdr>
    <MsgDefIdr>camt.053.001.06</MsgDefIdr>
    <CreDt>2017-11-10T09:06:00Z</CreDt>
  </AppHdr>
</StatementAccountInformation>

```



```

    <Sgntr>
    <SignatureEnvelope>0a5e0b401f3a66638d4b82352dccf9eb5cff585df42be30f06520d2e063eb62f</SignatureEnvelope>
    </Sgntr>
  </AppHdr>
  <Document>
  <BkToCstmrStmt>
    <GrpHdr>
      <MsgId>79804001201711100002</MsgId>
      <CreDtTm>2017-11-10T09:06:00Z</CreDtTm>
    </GrpHdr>
    <Stmt>
      <Id>79804001201711100002</Id>
      <CreDtTm>2017-11-10T09:06:00Z</CreDtTm>
      <FrToDt>
        <FrDtTm>2017-01-01T08:00:00Z</FrDtTm>
        <ToDtTm>2017-03-31T17:00:00Z</ToDtTm>
      </FrToDt>
      <Acct>
        <Id>
          <Othr>
            <Id>80080080</Id>
          </Othr>
        </Id>
        <Tp>
          <Cd></Cd>
        </Tp>
        <Ccy>VND</Ccy>
        <Ownr>
          <Nm>Nguyễn Văn A</Nm>
          <PstlAdr>
            <BldgNb>12</BldgNb>
            <StrtNm>Nguyễn Chí Thanh</StrtNm>
            <TwnNm>Thanh Xuân</TwnNm>
            <PstCd>100000</PstCd>
          </PstlAdr>
        </Ownr>
      </Acct>
      <Bal>
        <Tp>
          <CdOrPrtry>

```

```

        <Cd>OPBD</Cd>
      </CdOrPrtry>
    </Tp>
    <Amt Ccy="VND">15000000</Amt>
    <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
    <Dt>
      <Dt>2017-11-10 </Dt>
    </Dt>
  </Bal>
  <Bal>
    <Tp>
      <CdOrPrtry>
        <Cd>CLBD</Cd>
      </CdOrPrtry>
    </Tp>
    <Amt Ccy="VND">20000000</Amt>
    <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
    <Dt>
      <Dt>2017-11-10</Dt>
    </Dt>
  </Bal>
  <Bal>
    <Tp>
      <CdOrPrtry>
        <Cd>ITBD</Cd>
      </CdOrPrtry>
    </Tp>
    <Amt Ccy="VND">6000000</Amt>
    <CdtDbtInd>DBIT</CdtDbtInd>
    <Dt>
      <Dt>2017-11-10</Dt>
    </Dt>
  </Bal>
  <Bal>
    <Tp>
      <CdOrPrtry>
        <Cd>ITBD</Cd>
      </CdOrPrtry>
    </Tp>
    <Amt Ccy="VND">11000000</Amt>

```

```

        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        <Dt>
            <Dt>2017-11-10</Dt>
        </Dt>
    </Bal>
    <Ntry>
        <Amt Ccy="VND">6000000</Amt>
        <CdtDbtInd>DBIT</CdtDbtInd>
        <Sts>INFO</Sts>
        <ValDt>
            <Dt>2017-02-12</Dt>
        </ValDt>
        <BkTxCd>
            <Domn>
                <Cd>1111<Cd>
                <Fmly>
                    <Cd>1111<Cd>
                    <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
                </Fmly>
            </Domn>
        </BkTxCd>
        <AcctSvcrRef>DE.0034</AcctSvcrRef>
        <Avlbtty>
            <Dt>
                <ActlDt>2017-02-12</ActlDt>
            </Dt>
            <Amt Ccy="VND">9000000</Amt>
            <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        </Avlbtty>
        <NtryDtls>
            <TxDtls>
                <Amt Ccy="VND">6000000</Amt>
                <CdtDbtInd>DBIT</CdtDbtInd>
                <AddtlTxInf>ATM.HAN.00100101.20202002.SEQ:001234</AddtlTxInf>
            </TxDtls>
        </NtryDtls>
    </Ntry>
    <Ntry>
        <Amt Ccy="VND">7000000</Amt>
        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
    </Ntry>

```

```

<Sts>INFO</Sts>
<ValDt>
  <Dt>2017-02-28</Dt>
</ValDt>
<BkTxCd>
  <Domn>
    <Cd>1111<Cd>
    <Fmly>
      <Cd>1111<Cd>
      <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
    </Fmly>
  </Domn>
</BkTxCd>
<AcctSvcrRef>GET.16634</AcctSvcrRef>
<Avlbtty>
  <Dt>
    <ActlDt>2017-02-28</ActlDt>
  </Dt>
  <Amt Ccy="VND">16000000</Amt>
  <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
</Avlbtty>
<NtryDtls>
  <TxDtls>
    <Amt Ccy="VND">7000000</Amt>
    <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
    <AddtlTxInf>ATM.QUB.00100101.20202002.SEQ:005555</AddtlTxInf>
  </TxDtls>
</NtryDtls>
</Ntry>
<Ntry>
  <Amt Ccy="VND">4000000</Amt>
  <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
  <Sts>INFO</Sts>
  <ValDt>
    <Dt>2017-03-01</Dt>
  </ValDt>
  <BkTxCd>
    <Domn>
      <Cd>1111<Cd>
      <Fmly>

```

```

        <Cd>1111<Cd>
        <SubFmlyCd>1111</SubFmlyCd>
    </Fmly>
</Domn>
</BkTxCd>
<AcctSvcrRef>GET.2018</AcctSvcrRef>
<Avlbty>
    <Dt>
        <ActlDt>2017-03-01</ActlDt>
    </Dt>
    <Amt Ccy="VND">20000000</Amt>
    <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
</Avlbty>
<NtryDtls>
    <TxDtls>
        <Amt Ccy="VND">40000000</Amt>
        <CdtDbtInd>CRDT</CdtDbtInd>
        <AddtlTxInf>ATM.QUB.00100101.20202002.VAL:26789</AddtlTxInf>
    </TxDtls>
</NtryDtls>
</Ntry>
</Stmt>
</BkToCstmrStmt>
</Document>
</StatementAccountInformation>

```